



TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2019

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
I. THÔNG TIN CHUNG	5
1. Thông tin khái quát	5
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
3. Quá trình hình thành và phát triển.....	6
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	6
5. Định hướng phát triển	8
6. Các khó khăn, thách thức và rủi ro đối với TCT PLC trong thời gian tới:	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019.....	10
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:	10
2. Tổ chức và nhân sự	11
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	12
4. Tình hình tài chính	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	14
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty	15
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	17
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:.....	17
2. Tình hình tài chính:	19
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	21
4. Kế hoạch phát triển	22
5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không	22
6. Báo cáo đánh giá trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty	22
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	24
1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Tổng công ty:	24
2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:	25
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:	25
V. QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY	27
1. Hội đồng quản trị	27
2. Ban kiểm soát.....	29
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát	30
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (đính kèm)	31

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý vị cổ đông và các nhà đầu tư,

Năm 2019, PLC đã trải qua một năm với nhiều khó khăn, Tổng công ty PLC không hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận được ĐHĐCĐ thường niên 2019 giao, trong đó Lợi nhuận trước thuế: 185,361 tỷ đồng, đạt 89% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế: 145,164 tỷ đồng, đạt 87% kế hoạch; Chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ: 386.769 tấn, đạt 102,1% kế hoạch và Doanh thu thuần: 6.160 tỷ đồng đạt 95,31% kế hoạch.

Ngoài ngành hàng Dầu mỡ nhờn hoàn thành kế hoạch, các ngành hàng khác không đạt kế hoạch. Ngành hàng Nhựa đường tiếp tục khó khăn do các dự án giao thông chậm tiến độ, dung lượng thị trường giảm dần theo nhiều hệ lụy như hàng quay vòng chậm làm chi phí qua kho tăng, khách hàng không có khả năng thanh toán, đáo nợ.... Đối với ngành hàng Hóa chất: thị trường dung môi Hóa chất rất rộng lớn, nhưng là ngành hàng phục vụ sản xuất, thị trường của người mua, trong khi với người bán hiện nay, không có rào cản tham gia thị trường, nên mức độ cạnh tranh là rất khốc liệt, lãi gộp thấp. Trong điều kiện hầu hết vốn lưu động của ngành hàng hóa chất là đi vay, thì chi phí tài chính là một gánh nặng, tác động quyết định đến kết quả kinh doanh hóa chất của PLC. Một nguyên nhân nữa dẫn đến việc TCT PLC không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận còn do Công ty liên kết (Công ty CP vận tải Hóa dầu VP) gặp khó khăn, lỗ lớn, khiến năm 2019 TCT PLC phải trích dự phòng tài chính 12 tỷ đồng.

Mặc dù các chỉ tiêu đạt được năm 2019 không cao so với các năm trước, nhưng đây là một sự cố gắng rất lớn của HĐQT và Ban điều hành. Điều này được thể hiện qua vị trí hàng đầu và hiệu quả các ngành hàng PLC tham gia kinh doanh trên thị trường.

Đợt bùng phát dịch viêm đường hô hấp cấp (Covid-19) từ đầu năm 2020 đang tấn công triệt để vào xuất khẩu của Trung Quốc và làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu. Các chuyên gia cảnh báo chủng virus corona mới có thể khiến nền kinh tế toàn cầu thiệt hại khoảng 1.000 tỷ USD trong năm nay; tăng trưởng kinh tế toàn cầu có thể sẽ xuống dưới mức 2.5%, mức được xem là ngưỡng suy thoái với kinh tế thế giới. Thực tế, 3 tháng đầu năm 2020, nền kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, những nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Cộng đồng chung châu Âu đang chứng kiến tình trạng suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế; giá dầu thô giảm mạnh do căng thẳng giữa A-rập Xê-út và Liên bang Nga, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn, căng thẳng địa chính trị gia tăng giữa Mỹ và Iran, cùng với biến đổi khí hậu và đặc biệt là dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh trên toàn cầu đã tác động tiêu cực đến kinh tế của các quốc gia trên thế giới. Cục dự trữ Liên bang Mỹ (FED) liên tục cắt giảm lãi suất cho thấy dấu hiệu suy giảm sâu của kinh tế Mỹ, nhiều nước châu Âu đóng cửa biên giới nhằm ngăn chặn dịch bệnh lây lan đã đe dọa chuỗi cung ứng và làm tăng nguy cơ thiếu hụt nguyên liệu sản xuất, sản phẩm tiêu dùng.

Do tầm quan trọng to lớn của Trung Quốc đối với nền kinh tế toàn cầu, hậu quả của cuộc khủng hoảng do Covid-19 gây ra có thể sẽ khó khăn và kéo dài. Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam là nạn nhân đầu tiên, khi mà các nền kinh tế ở đây gắn liền với người khổng lồ Trung Quốc. Tại Việt Nam, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực năm 2019, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại, tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm tăng cao. Theo khảo sát của VCCI, đã có gần 35.000 doanh nghiệp đã rút lui khỏi thị trường trong 3 tháng đầu năm nay. Nếu dịch bệnh tiếp tục kéo dài, 50% doanh nghiệp chỉ trụ được nửa năm. Bên cạnh đó, thời tiết những

tháng đầu năm không thuận lợi, hạn hán, xâm nhập mặn diễn ra sớm ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng, dịch tả lợn châu Phi chưa được khống chế hoàn toàn. Trước tình hình đó, Chính phủ đã kịp thời chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp vừa phòng chống dịch bệnh, bảo đảm sức khỏe người dân, vừa phòng chống suy giảm kinh tế và giữ vững ổn định xã hội, nỗ lực phấn đấu cao nhất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.

Trước những diễn biến khó lường do Covid-19 gây ra cũng như tình hình căng thẳng về chính trị trên thế giới, mọi dự đoán dài hơi đều rất khó. Tổng công ty PLC đang tiếp tục đánh giá các yếu tố kinh tế xã hội để xây dựng Kế hoạch SXKD phù hợp để trình ĐHĐCĐ thường niên 2020. Trong tình hình khó khăn như hiện nay, TCT xác định cần thực hiện các giải pháp như sau:

- Nắm bắt thông tin thị trường thường xuyên, kịp thời để điều hành và xử lý tồn kho đạt hiệu quả cao nhất trong những trường hợp giá biến động mạnh.

- Theo dõi tình hình biến động của giá nhập khẩu, tỷ giá, lãi suất tiền vay, chính sách quản lý của nhà nước để đảm bảo nguồn hàng ổn định nhằm tăng khả năng cạnh tranh.

- Đảm bảo nguồn ngoại tệ thanh toán cho lô hàng nhập, cung cấp nguồn hàng kịp thời cho thị trường để tăng sản lượng và thu hồi công nợ đúng hạn.

- Có những phương án điều hành tài chính, quản trị hàng tồn kho; công nợ,... phù hợp nhằm giảm thiểu tối đa tác động của việc tăng tỷ giá, chi phí lãi vay và vừa đáp ứng được nhu cầu vốn kinh doanh của từng ngành hàng.

- Cùng với việc nghiên cứu đẩy mạnh công tác bán hàng cho từng ngành hàng, Tổng Công ty PLC nói chung và các đơn vị thuộc Tổng công ty PLC nói riêng sẽ tập trung thu hồi công nợ và xử lý các khoản nợ xấu, khó đòi phù hợp với tính chất kinh doanh của ngành hàng.

- Tiếp tục quá trình tái cấu trúc tổ chức và quản trị doanh nghiệp; Xây dựng Tổng công ty PLC thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông, đối tác, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.

Ngoài những giải pháp chung, các ngành hàng đều đặt ra những giải pháp cụ thể phù hợp với đặc điểm của từng ngành hàng.

Kính thưa quý vị cổ đông và các nhà đầu tư,

Những kết quả đạt được trong năm vừa qua, tuy chưa đạt được kỳ vọng của cổ đông như ĐHĐCĐ thường niên 2019 đã đề ra, nhưng là kết quả nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ, người lao động toàn PLC, là kết quả làm việc nghiêm túc, đoàn kết và cầu thị của HĐQT. Đứng trước tình hình mới với nhiều biến động, TCT PLC mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ, quan tâm của các Quý vị cổ đông và nhà đầu tư.

Thay mặt Hội đồng quản trị, xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông và nhà đầu tư đã tín nhiệm lựa chọn và ủng hộ HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ./.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY
HÓA DẦU
PETROLIMEX
CTCP

CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch	TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX
Tên viết tắt	PLC
Giấy CNĐKDN số	0101463614
Vốn điều lệ	807.988.390.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	807.988.390.000 đồng
Địa chỉ:	Tầng 18 & 19 toà nhà 229 phố Tây Sơn, p. Ngã Tư Sở, q. Đống Đa, thành phố Hà Nội.
Điện thoại:	(024) 38513205
Fax:	(024) 38513207
Website	http://www.plc.petrokimex.com.vn
Mã chứng khoán	PLC
Sàn niêm yết cổ phiếu tại	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Ngày bắt đầu niêm yết	27/12/2006
Số lượng CP niêm yết	80.798.839 cổ phần

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. *Ngành nghề kinh doanh:*

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường, Hóa chất và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực sản phẩm dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên ngành Hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật Hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

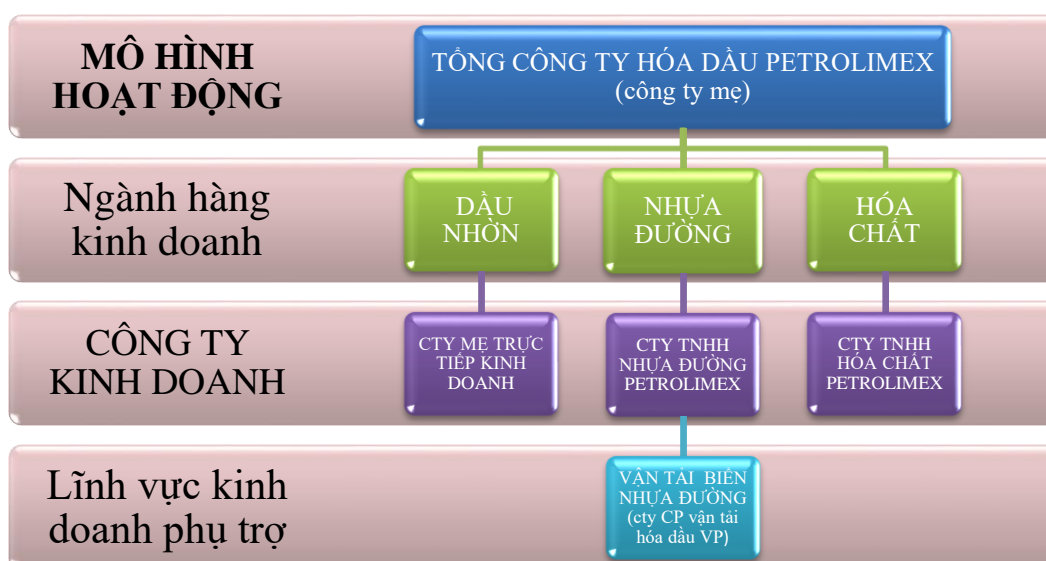
2.2. *Địa bàn kinh doanh:*

- Các tỉnh, thành phố trên toàn quốc;
- Các nước trong khu vực như Hong Kong, Đài Loan, Trung quốc, Lào, Campuchia...

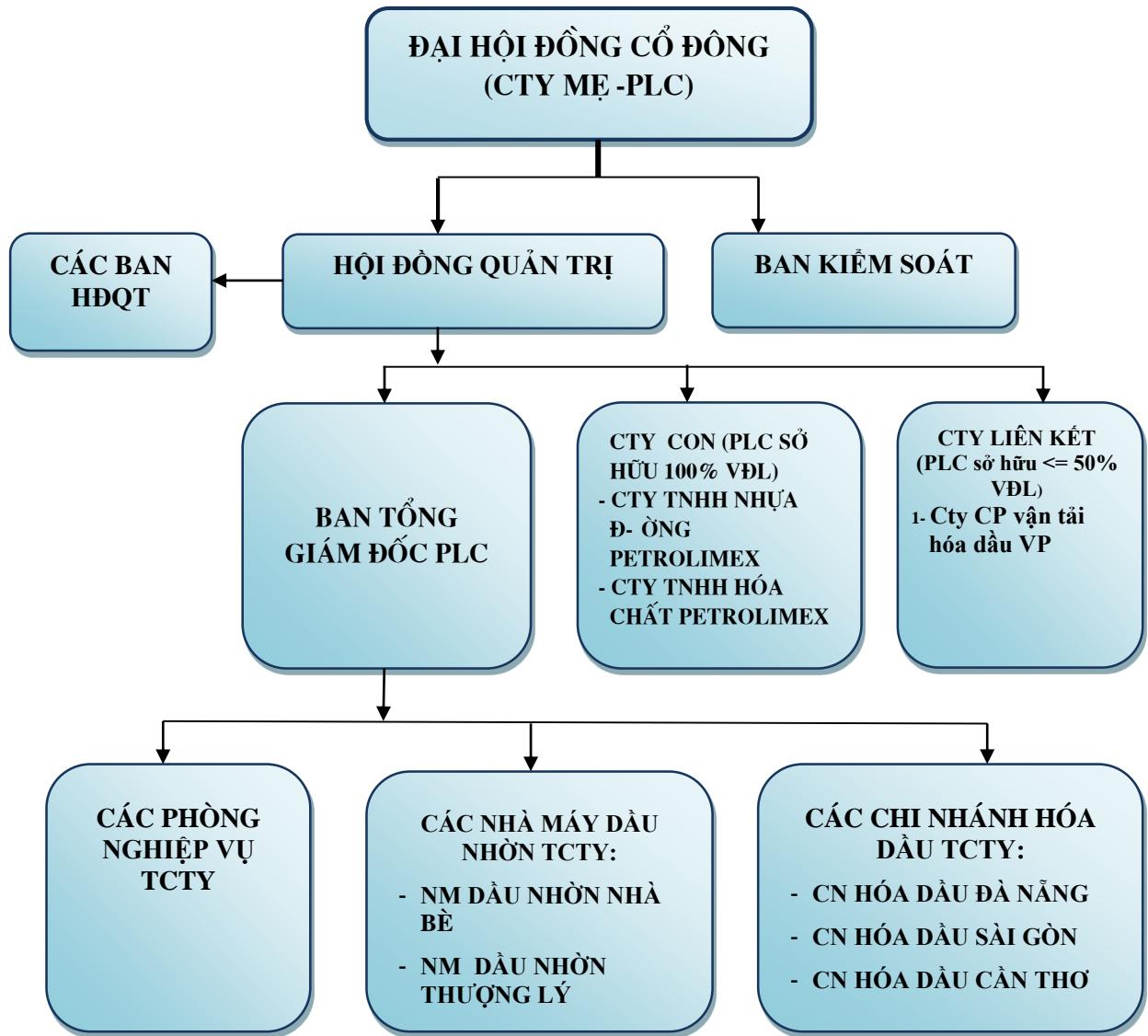
3. Quá trình hình thành và phát triển

Tháng 12/2017	• Thoái vốn khỏi Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 810
Tháng 1/2014	• Giải thể và rút vốn khỏi công ty TNHH Đầu tư thương mại PLG
Tháng 04/2013	• Đổi tên thành Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex - CTCP
Tháng 4/2010	• Góp vốn thành lập công ty TNHH Đầu tư thương mại PLG
Tháng 3/2008	• Góp vốn thành lập Công ty CP vận tải hóa dầu VP
Tháng 2/2007	• Góp vốn thành lập Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 810
Tháng 12/2006	• Niêm yết cổ phiếu PLC trên HNX
Tháng 03/2006	• Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.
Tháng 12/2005	• Thành lập Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex và Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex
Tháng 03/2004	• Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối
Tháng 10/1998	• Đổi tên thành Công ty Hóa Dầu trực thuộc Petrolimex
Tháng 06/1994	• Thành lập Công ty Dầu nhờn trực thuộc Petrolimex

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



4.1. Cơ cấu bộ máy quản lý



4.2. Các công ty con, công ty liên kết :

4.3.1. Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex

- Địa chỉ: Tầng 19 toà nhà 229 Phố Tây Sơn, P.Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa, TP Hà Nội.
- Vốn điều lệ: 361,4 VNĐ;
- Tỷ lệ góp vốn của PLC : 100% Vốn điều lệ;
- Ngành, nghề kinh doanh chính : Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu Nhựa đường và các sản phẩm khác thuộc lĩnh vực Nhựa đường; Kinh doanh các dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực Nhựa đường: vận tải thuê, cho thuê kho bãi, pha chế thuê, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật.

4.3.2. Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex

- Địa chỉ: Tầng 19 toà nhà 229 Phố Tây Sơn, P.Ngã Tư Sở, Q.Đống Đa, TP Hà Nội.
- Vốn điều lệ: 254,3 tỷ VNĐ;
- Tỷ lệ góp vốn của PLC : 100% Vốn điều lệ;
- Ngành, nghề kinh doanh chính: sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp và các sản phẩm khác thuộc lĩnh vực dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp. Kinh doanh các dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực dung môi, hóa chất, cao su tự nhiên, cao su tổng hợp : vận tải thuê, cho thuê kho bãi, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật.

4.3.3. Công ty CP Vận tải Hóa dầu VP

- Địa chỉ: phòng 703 tầng 7, tòa nhà Central Tower, 43 Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng.
- Vốn điều lệ: 150,76 tỷ VNĐ;
- Tỷ lệ góp vốn của PLC : 43,78% Vốn điều lệ;
- Ngành, nghề kinh doanh chính: Vận tải các sản phẩm hóa dầu; mua bán tàu; đầu tư tài chính.

5. Định hướng phát triển

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Petrolimex. Là doanh nghiệp nội địa đầu tiên tại Việt Nam kinh doanh chuyên ngành các sản phẩm Hóa dầu bao gồm: dầu nhờn, nhựa đường, hóa chất.

Sau khi tái cấu trúc năm 2006, hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con, Tổng công ty đã phát triển mạnh trên cả 3 ngành hàng chủ chốt, với các lĩnh vực chuyên sâu để trở thành những người tiên phong về công nghệ, hạ tầng cũng như nghiên cứu phát triển sản phẩm mới ra thị trường. Ngoài kinh doanh chính, việc tham gia liên doanh, liên kết của Tổng công ty vào các doanh nghiệp khác, đều thuộc ngành nghề phụ trợ, trong chuỗi cung ứng của Tổng công ty. Chính vì vậy, khi gặp những biến động trên thị trường, Tổng công ty vẫn vững vàng vượt qua thử thách. Định hướng phát triển của Tổng công ty là tập trung củng cố vị thế của thị trường trong nước, phát triển quy mô ba ngành hàng ra tầm khu vực và quốc tế. Định hướng này được cụ thể hóa bằng các mục tiêu:

- Phát triển bền vững trên 3 ngành hàng chính là dầu mỡ nhờn, nhựa đường và hóa chất; Tiếp tục ổn định và phát triển thị trường dầu nhờn trong và ngoài nước dựa trên sức mạnh của liên kết nội bộ tập đoàn Petrolimex, theo hướng hợp tác chặt chẽ, sâu rộng với tất cả các thành viên Petrolimex.
- Tiếp tục mở rộng thị trường trong nước và đặc biệt là thị trường ngoài nước;
- Chú trọng công tác nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới, đa dạng hóa các nhóm sản phẩm, đặc biệt là nhóm sản phẩm có chất lượng cao và hiệu quả bền vững;
- Tiếp tục đầu tư hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật để duy trì lợi thế kinh doanh trên cả 3 ngành hàng chính;
- Không ngừng nâng cao giá trị doanh nghiệp nhằm mang lại giá trị tối đa cho các Cổ đông đầu tư vào Tổng công ty;
- Quan tâm phát triển lợi ích cộng đồng và xã hội.

6. Các khó khăn, thách thức và rủi ro đối với TCT PLC trong thời gian tới:

Nhãn hiệu hàng hóa Petrolimex của Tổng công ty PLC là thương hiệu mạnh quốc gia, có uy tín và được người tiêu dùng bình chọn trên thị trường Việt Nam. Hưởng ứng cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam hiện nay, Tổng công ty luôn xác định đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ để giữ thị phần và khẳng định vị thế của Petrolimex trên thị trường. Tuy nhiên, Tổng công ty PLC cũng nhận diện được một số khó khăn, thách thức và rủi ro trọng yếu như sau:

6.1. Thị trường và đối thủ cạnh tranh:

- Thị trường đầu ra của cả 3 ngành hàng chủ yếu là thị trường nội địa, với hầu hết khách hàng là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, vận tải và hạ tầng giao thông. Do vậy, các chính sách vĩ mô của nhà nước nhằm kiềm chế lạm phát hay kích thích tăng trưởng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu và hiệu quả kinh doanh của các ngành hàng.
- Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt và khốc liệt diễn ra ở cả 3 lĩnh vực kinh doanh. Nhiều đối thủ với tiềm lực tài chính mạnh, thương hiệu từ các tập đoàn lớn trên thế giới (DMN: BP

Castrol, Total, Caltex, Shell, Mobile, JXNipon Oil, Idemitsu ... Nhựa đường: Adco, ICT, Tratimex, RED, BEST, Vina Asphalt,... Hóa chất: Sam sung, Top Solvent, Dealim, Kaiser, PKG...) đã và đang tham gia sâu vào thị trường Việt Nam khiến cho việc chiếm lĩnh và giữ vững thị phần của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn và thách thức.

- Nhu cầu DMN công nghiệp và phương tiện thi công cơ giới có xu hướng giảm do các công trình lớn, các tuyến đường giao thông đã hoàn thiện. Nhu cầu tiêu thụ DMN cũng bị tác động mạnh do tình hình thiên tai lũ lụt gia tăng ở các địa phương.
- Giá bán sản phẩm nhựa đường trong nước phản ứng nhanh với khả năng đầu tư công của Chính phủ. Nhựa đường là sản phẩm đầu vào của các ngành xây dựng công trình giao thông nên phụ thuộc tình hình của các ngành này và phụ thuộc vào hoạt động đầu tư công của Chính phủ, có tính chu kỳ do phần lớn công trình xây dựng giao thông là cơ sở hạ tầng do Nhà nước đầu tư. Trong khi đó khả năng đầu tư công phụ thuộc vào nguồn ngân sách thu được từ nền kinh tế. Chính vì vậy, hoạt động xây dựng giao thông và cung ứng nhựa đường phụ thuộc rất nhiều vào tình hình của nền kinh tế và chu kỳ kinh tế.

6.2. *Rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh:*

- Rủi ro về giá dầu và chính sách tỷ giá: Là một doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hóa dầu, nguồn nguyên liệu đầu vào phụ thuộc vào nhập khẩu, trong khi xuất khẩu chỉ chiếm tỷ trọng chưa cao trong cơ cấu bán hàng của TCT PLC. Do vậy, kết quả kinh doanh phụ thuộc rất nhiều nguồn cung và giá dầu mỏ trên thế giới và chính sách điều hành tỷ giá, lãi suất..của Nhà nước.
- Rủi ro cạnh tranh: Các sản phẩm kinh doanh của PLC hầu hết là nguyên, phụ liệu đầu vào của các ngành công nghiệp khác. Áp lực cạnh tranh về giá, tồn kho...ngày càng gia tăng.
- Rủi ro cơ cấu tài sản và nguồn vốn: cơ cấu nguồn vốn của các đơn vị trong PLC hiện nay đang tiềm ẩn nhiều rủi ro, nguồn vốn chủ sở hữu chỉ đáp ứng được cơ bản nhu cầu cân đối cho giá trị tài sản dài hạn; hệ số nợ thường xuyên duy trì ở mức cao và đặc biệt phụ thuộc nhiều vào nguồn vay ngắn hạn từ các tổ chức tín dụng. Theo đó, khi có thay đổi trong chính sách tiền tệ của Nhà nước hay khả năng siết chặt hạn mức và chính sách của các tổ chức tín dụng có ảnh hưởng xấu đến kết quả kinh doanh của PLC, đặc biệt là ngành hàng Nhựa đường và Hóa chất.
- Rủi ro khác: Rủi ro về việc hàng giả, hàng nhái, kém chất lượng; rủi ro cơ chế chính sách thay đổi đến từng lĩnh vực kinh doanh; rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, ảnh hưởng điều kiện môi trường, dịch bệnh...cũng có thể gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của từng ngành hàng cũng như của Tổng công ty.

6.3. *Một số thách thức của PLC trong thời gian tới:*

- Sự phát triển và cạnh tranh mạnh mẽ từ các đối thủ trong cả 03 ngành hàng cần đòi hỏi nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới (chất lượng, chi phí và giá thành sản xuất cạnh tranh); nâng cao được năng suất lao động, tăng cường khả năng quản trị rủi ro tại đơn vị; tối ưu hóa được hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Việc xác lập kênh phân phối, chính sách sản phẩm, chính sách marketing, PR... và quản lý tài chính là vấn đề lớn đặt ra đối với cả ba lĩnh vực kinh doanh.
- Phải xây dựng chiến lược, mục tiêu phát triển trung và dài hạn; Mô hình tổ chức, quản trị, cơ cấu nguồn lực (tài sản, vốn, nhân lực, hệ thống công nghệ...) phù hợp điều kiện phát triển và tính cạnh tranh thị trường; Nghiên cứu, phát triển mở rộng hoạt động SXKD, đặc biệt là lĩnh vực kinh doanh mới phù hợp chiến lược phát triển dài hạn...

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2019, hoạt động SXKD của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex bị tác động đan xen bởi các yếu tố thuận lợi và không thuận lợi sau đây: Môi trường vĩ mô có nhiều thuận lợi, kinh tế tiếp tục ổn định và tăng trưởng, nguồn ngoại tệ dồi dào,... Bên cạnh các yếu tố thuận lợi trên, hoạt động SXKD năm 2019 của TCT PLC cũng chịu tác động bởi nhiều yếu tố không thuận lợi như quy mô, mức độ cạnh tranh của các đối thủ ngày càng gia tăng, ...; tình hình thị trường nguyên vật liệu đầu vào trong năm 2019 có nhiều biến động, tỷ giá ngoại tệ cũng có xu hướng biến động tăng đã ảnh hưởng tới công tác sản xuất và công tác đảm bảo nguồn cho khách hàng của TCT PLC và ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Tổng công ty năm 2019. Tuy nhiên, bằng việc bám sát diễn biến kinh tế vĩ mô và giá dầu thế giới, trong năm 2019 Ban Điều hành đã xây dựng và triển khai đồng bộ các giải pháp đã được thông qua tại Đại hội Cổ đông thường niên 2019; Từng tháng, từng quý đều rà soát, đánh giá tiến độ kế hoạch, đánh giá mức độ phù hợp của các giải pháp với tình hình thực tế ở từng thời điểm, từng vùng thị trường để điều chỉnh phương pháp và đề ra các giải pháp phù hợp hơn, đảm bảo liên tục bám sát kế hoạch mà ĐHCĐ giao.

Đơn vị tính: Tấn,m3/triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch SXKD năm 2019	Thực hiện năm 2019	So thực hiện năm 2019	
					TH năm 2018	KH năm 2019
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	389.405	378.771	386.769	99,32%	102,11%
2	Tổng doanh thu thuần	6.434.374	6.463.307	6.160.046	95,74%	95,31%
*	Giá vốn	5.559.672	5.368.680	5.319.485	95,68%	99,08%
*	Lãi gộp /Doanh thu	13,59%	14,81%	13,65%	100,38%	92,14%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	194.953	208.146	185.361	95,08%	89,05%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	148.609	166.517	145.164	97,68%	87,18%
*	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	2,31%	2,64%	2,36%	102,03%	89,18%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	11,14%	12,20%	10,98%	98,61%	90,00%
6	Tỷ suất LNST/VDL	18,39%	20,61%	17,97%	97,68%	87,18%
7	Tỷ lệ cổ tức	16%	Tối thiểu 12%	Tối thiểu 12%		

Trước tình hình tác động của đại dịch Covid_19, năm 2020 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex dự kiến sẽ tổ chức triển khai các định hướng và giải pháp cụ thể như sau:

- Tích cực triển khai các hệ thống quản trị tiên tiến vào doanh nghiệp, đáp ứng mục tiêu minh bạch thông tin, hội nhập các tiêu chuẩn quốc tế. Xây dựng TCT PLC thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông, đối tác, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.
- Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020, là cơ sở duy trì và tạo tiền đề phấn đấu đạt mục tiêu chiến lược trung và dài hạn của TCT PLC trong giai đoạn mới, tiếp tục đầu tư CSVCKT, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, phấn đấu mở rộng thị trường trong nước và Quốc tế nâng cao vị thế và hình ảnh của Tổng công ty PLC trong lĩnh vực dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất mang thương hiệu Petrolimex.

2. Tổ chức và nhân sự

Năm 2019, Ban Điều hành TCT PLC đã có sự thay đổi về nhân sự: Từ tháng 8/2019, ông Ngô Đức Giang không tham gia vào Ban điều hành và Tổng công ty chưa bổ sung nhân sự thay thế.

Hiện nay Ban Điều hành Tổng công ty PLC gồm có các nhân sự như sau:



Ông Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc
Ủy viên HĐQT Tổng công ty

Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Hóa dầu, Cử nhân TCKT,
Cử nhân chính trị.

Sinh năm 1960.

Có hơn 37 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý kỹ thuật xăng dầu, dầu mỡ nhờn, các sản phẩm Hóa dầu khác và quản lý doanh nghiệp. Các đơn vị đã từng làm quản lý là Xí nghiệp sản xuất và tái sinh Dầu mỡ nhờn, Tổng kho xăng dầu Đức Giang (Công ty Xăng dầu Khu vực I) và Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.

Vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng công ty: Không.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần PLC: 0,1879%



Ông Lê Quang Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Ủy viên HĐQT Tổng công ty

Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Hóa dầu, Cử nhân kinh tế,
Cử nhân Ngoại ngữ, Cao cấp LLCT.

Sinh năm 1974

Có hơn 24 năm kinh nghiệm làm việc tại Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP trong công tác quản lý kỹ thuật, kinh doanh dầu mỡ nhờn, các sản phẩm Hóa dầu khác và quản lý doanh nghiệp. Đã trải qua và có kinh nghiệm trong các công tác: dịch vụ kỹ thuật, kinh doanh dầu mỡ nhờn, xuất nhập khẩu, sản xuất dầu mỡ nhờn, quản lý hệ thống chất lượng ISO 9001.

Vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng công ty: Không.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần PLC: 0,0084%



Bà Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng Tổng công ty

Cử nhân Kế toán Thương mại, cử nhân Luật.

Sinh năm 1978

Có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán và tại Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.

Vi phạm pháp luật : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng công ty: Không.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần PLC: 0,0233%

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động :

- Số lượng lao động có mặt đến ngày 31/12/2019 là 724 người. Tổng công ty PLC chủ trương sử dụng lao động tiết kiệm, hiệu quả; phát triển nguồn nhân lực có tính kế thừa và đảm bảo cơ cấu lao động hợp lý, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

- Điều kiện làm việc ở PLC luôn được cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần người lao động được nâng cao, góp phần xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp, tạo động lực cho người lao động làm việc nhiệt huyết, ổn định, gắn bó lâu dài với Tổng công ty;
- Mục tiêu trả lương ổn định đời sống và khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả. Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, an toàn vệ sinh lao động và các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Pháp luật và Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

- Năm 2019, các công ty trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư các hạng mục công trình trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính, tạo điều kiện quan trọng để các công ty nâng cao vị thế, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường; không đầu tư ra ngoài ngành hàng kinh doanh chính. Tổng giá trị thực hiện đầu tư năm 2019 là 111.867 triệu đồng, đạt 49,6% so với kế hoạch đầu tư được duyệt trong năm 2019 trong đó: Giá trị thực hiện đầu tư mới là 81.855 triệu đồng, đạt 43,2% so với kế hoạch được duyệt; giá trị sửa chữa lớn là 30.012 triệu đồng, đạt 83,2% so với kế hoạch được duyệt.

Đơn vị : triệu đồng

TT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/CHỦ ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH 2019	THỰC HIỆN 2019	TH/KH NĂM 2019 (%)
	TỔNG CỘNG	225.545	111.867	49,6%
A	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	189.460	81.855	43,2%
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	36.085	30.012	83,2%
C	ĐẦU TƯ RA NGOÀI DOANH NGHIỆP	0	0	0

- Kết quả thực hiện đầu tư năm 2019 chưa đạt được kế hoạch đề ra là do tình hình sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong năm gặp nhiều khó khăn nên chỉ thực hiện đầu tư những hạng mục công trình cấp thiết, bên cạnh đó một số hạng mục đầu tư chậm triển khai do đang hoàn thiện các thủ tục về chuẩn bị đầu tư theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước.

4. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (đơn vị tính triệu đồng)	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	So sánh 2019/2018
Doanh thu thuần	tr.đ	6.434.374	6.160.046	95,7%
Giá vốn hàng bán	tr.đ	5.559.672	5.319.485	95,7%
Lợi nhuận gộp	tr.đ	874.702	840.561	96,1%
Chi phí bán hàng	tr.đ	491.712	468.667	95,3%
Chi phí quản lý	tr.đ	95.849	105.293	109,9%
Lợi nhuận khác	tr.đ	7.743	23.893	308,6%
EBIT	tr.đ	281.396	312.441	111,0%
Chi phí tài chính ròng	tr.đ	111.785	137.240	122,8%
Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	194.953	185.361	95,1%
Thuế TNDN	tr.đ	46.344	40.197	86,7%
Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	148.609	145.164	97,7%
Tài sản ngắn hạn	tr.đ	3.796.856	3.308.424	87,1%
Tài sản dài hạn	tr.đ	1.061.389	1.156.011	108,9%
Tổng tài sản	tr.đ	4.858.245	4.464.435	91,9%

Chỉ tiêu (đơn vị tính triệu đồng)	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	So sánh 2019/2018
Tổng vay ngắn hạn và dài hạn	tr.đ	2.248.164	1.723.997	76,7%
Vốn chủ sở hữu	tr.đ	1.321.350	1.321.825	100,0%
Chỉ số tài chính				
Tỷ suất lợi nhuận gộp		13,59%	13,65%	100,4%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế		2,31%	2,36%	102,0%
Tăng trưởng doanh thu thuần		27,50%	-4,26%	-15,5%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế		-13,30%	-2,32%	17,4%
Nợ vay trên tổng tài sản		44,46%	35,96%	80,9%
Nợ vay trên vốn chủ sở hữu		1,62	1,21	74,9%
LNST trên vốn chủ sở hữu (ROE)		11,14%	10,98%	98,5%
LNST trên Tổng tài sản (ROA)		3,06%	3,11%	106,3%
EPS		1.712	1.599	93,4%

(VCSH và VDL để tính ROE và ROA là bình quân đầu kỳ và cuối kỳ chia cho 2; các chỉ tiêu TSNH, TSDH, TTS, VCSH, Tổng vay ngắn hạn và dài hạn tính tại thời điểm 31/12/2019)

• **Các Chỉ tiêu tài chính:**

STT	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,10	1,08	
-	Hệ số thanh toán tức thời (lần)	0,20	0,22	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	0,73	0,70	
-	Hệ số nợ/ Vốn Chủ sở hữu (lần)	2,68	2,38	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	4,88	5,62	
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	1,32	1,44	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Tỷ suất LNST/ Doanh thu thuần	2,31%	2,36%	
-	Tỷ suất LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	11,14%	10,98%	
-	Tỷ suất LNST/ Tổng tài sản (ROA)	3,40%	3,11%	

- *Khả năng thanh toán:* Tỷ lệ khả năng thanh toán luôn giữ ở mức xấp xỉ 1,1. Theo đó, các khoản nợ đến hạn đều được đảm bảo bằng các tài sản có tính thanh khoản tốt. Đây là một chỉ số quan trọng trong bối cảnh thực tế Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex phụ thuộc rất lớn vào nguồn vốn vay ngắn hạn.
- *Hệ số thanh toán tức thời (tiền và các khoản tương đương tiền trên nợ ngắn hạn):* luôn duy trì ở mức 0,22 tỷ lệ này đảm bảo việc sử dụng vốn hiệu quả, không bị tồn đọng và đảm bảo khả năng thanh toán tức thì các khoản nợ đến hạn khi cần thiết.
- *Hiệu quả hoạt động:* Vòng quay hàng tồn kho 5,6 năm 2019 cho thấy hoạt động kinh doanh có hiệu quả, ít rủi ro hơn, khoản mục hàng tồn kho trong BCTC có giá trị giảm qua các năm. Năm 2019 đã giảm đáng kể (giảm 149.210 triệu đồng so với năm 2018), thể hiện xử lý tốt công tác bán hàng.
- *Khả năng sinh lời:* khả năng sinh lời từ một đồng vốn chủ sở hữu của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex năm 2019 giảm so với năm 2018.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

• **Cổ phần**

Tổng số cổ phiếu lưu hành: 80.798.839 cổ phiếu, 100% tự do chuyển nhượng.

Trong đó: - Cổ phiếu quỹ: 1.273 cổ phần

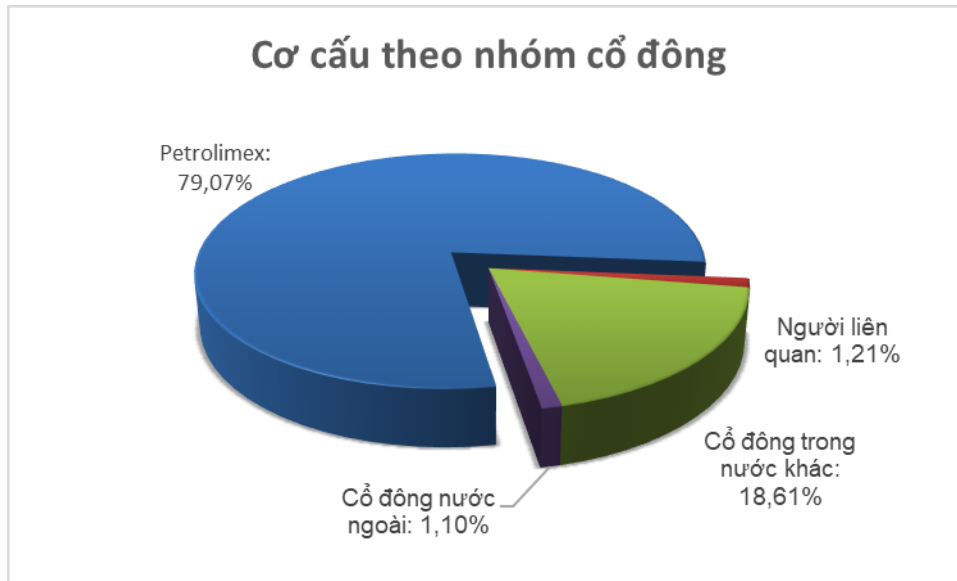
- Cổ phiếu của cổ đông hiện hữu: 80.797.566 cổ phần

Cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phần

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2019 là: 16.301 đồng/cổ phần.

Lãi trên cổ phiếu năm 2019 là : 1.599 đồng/cổ phần.

• **Cơ cấu cổ đông chốt ngày 10/04/2020**



STT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ vốn góp/VĐL	Tổng giá trị theo mệnh giá (VNĐ)
		80.798.839	100,00%	807.988.390.000
1	Nhà nước (Petrolimex)	63.889.259	79,07%	638.892.590.000
2	Các Cổ đông khác:	16.909.580	20,93%	169.095.800.000
2.1	Cổ đông khác trong nước:	16.021.105	19,83%	160.211.050.000
a	Tổ chức	2.817.421	3,49%	28.174.210.000
b	HĐQT, BKS, Ban TGD, KTT và người có liên quan	980.888	1,21%	9.808.880.000
c	Cá nhân khác	12.222.796	15,13%	122.227.960.000
2.2	Cổ đông nước ngoài:	888.475	1,10%	8.884.750.000
a	Tổ chức	818.135	1,01%	8.181.350.000
b	Cá nhân	70.340	0,09%	703.400.000

• **Danh sách cổ đông lớn**

STT	Cổ đông	Số cổ phần	% vốn góp	Đối tượng sở hữu
1	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam - Số 1 Khâm Thiên - Đống Đa - Hà Nội	63.889.259	79,07%	Tổ chức trong nước

- **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2019** : không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- **Giao dịch cổ phiếu quỹ và các chứng khoán khác** : Không có
- 6. **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty**
 - **Quản lý nguồn nguyên vật liệu, năng lượng**
 - Nguyên vật liệu chính để sản xuất và pha chế dầu mỡ nhờn của Tổng công ty PLC là dầu gốc và phụ gia, đều phải nhập khẩu từ nước ngoài đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và theo tiêu chuẩn chất lượng do PLC công bố. PLC không sử dụng nguyên liệu tái chế để sản xuất sản phẩm.
 - Các sản phẩm bao bì, đóng gói thành phẩm dầu mỡ nhờn của PLC được sản xuất trong nước và là bao bì mới. Các nhà cung cấp bao bì cho PLC đều đáp ứng các yêu cầu về quản lý môi trường.
 - PLC có quy trình xử lý sản phẩm mất phẩm chất. Các sản phẩm này được PLC ký hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ xử lý chất thải nguy hại được Nhà nước cấp phép thực hiện.
 - Là đơn vị kinh doanh các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, là các sản phẩm năng lượng không tái tạo, Tổng công ty luôn ý thức sử dụng tiết kiệm nhất nguyên liệu cũng như năng lượng điện và nhiên liệu hóa thạch. Việc tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh vừa nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời thể hiện trách nhiệm với môi trường và xã hội. Việc cải tạo và nâng cấp hệ thống sản xuất hiện nay tại các nhà máy, đưa công nghệ mới vào sản xuất và bảo quản hàng hóa, chính là phương pháp mà PLC áp dụng để tiết kiệm nguồn năng lượng hiện đang sử dụng.
 - **Tiêu thụ nước**
 - Quá trình sản xuất, bảo quản hàng hóa tại các kho, nhà máy của Tổng công ty không sử dụng nước và không phát sinh nước thải trong quá trình sản xuất.
 - Khối lượng nước tiêu thụ chủ yếu là để phục vụ cho sinh hoạt của khu nhà văn phòng.
 - **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**
 - Tổng công ty nhận thức được trách nhiệm của mình trong công tác bảo vệ môi trường. Trong quá trình sản xuất, kinh doanh, Tổng công ty đã phân công và bố trí cán bộ cập nhật và tuân thủ các qui định của pháp luật bảo vệ môi trường.
 - Tổng công ty đã thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường; thực hiện quan trắc, báo cáo quan trắc môi trường, báo cáo quản lý CTNH định kỳ tại NMDN Thượng Lý, NMDN Nhà Bè, Kho Dầu nhờn Đức Giang.
 - Thông qua việc giám sát môi trường, Tổng công ty có thể nhận định: chất lượng môi trường không khí, các thông số vi khí hậu và nước thải tại các khu vực Thượng Lý, Nhà Bè, Đức Giang và các khu vực khác có kho, nhà máy của PLC đều đạt tiêu chuẩn cho phép. Sự quan tâm và ý thức bảo vệ môi trường đã được phổ biến, quán triệt tới toàn thể cán bộ, người lao động của Tổng công ty để thực hiện nghiêm các qui định của Pháp luật.
 - Bên cạnh việc đầu tư, phát triển hệ thống và công nghệ xử lý, Tổng công ty tiếp tục tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, xem công tác bảo vệ môi trường là mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp.
 - Thông qua các Chương trình làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, TCT PLC đã có cơ hội được cập nhật, bổ xung các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường để trên cơ sở đó tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu, thực hiện nghiêm các qui trình trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.
 - **Chính sách đối với người lao động**
 - Lao động có mặt đến ngày 31/12/2019 của toàn Tổng công ty là 724 người với thu nhập bình quân năm 2019 là 13,1 triệu đồng/người/tháng.
 - Tổng công ty là đơn vị vừa có sản xuất, vừa kinh doanh sản phẩm có đặc tính chuyên môn

kỹ thuật cao, yêu cầu về trình độ chuyên môn cũng như các kỹ năng, kỹ thuật chuyên ngành sâu. Do vậy, ngoài những yêu cầu ban đầu về trình độ đối với người lao động, việc đào tạo, tập huấn chuyên môn hàng năm rất được Tổng công ty chú trọng thực hiện. Năm 2019, Tổng công ty đã tổ chức nhiều khóa huấn luyện về sản phẩm, nguyên vật liệu cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và đại diện bán hàng. Với ý thức của một doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm liên quan đến cháy nổ, các quy trình, quy phạm về an toàn và sản xuất rất được chú trọng trong phổ biến và giám sát thực hiện hàng ngày. Khi các dự án đầu tư, dây chuyền sản xuất mới được trình duyệt cũng là lúc các quy trình an toàn được thiết lập và được hướng dẫn, tập huấn thực hành cho người lao động. Trong năm 2019, 100% người lao động được hướng dẫn và có chứng chỉ về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.

- Việc Tổng công ty đảm bảo an toàn tuyệt đối, không xảy ra tai nạn lao động trong năm 2019 chính là thành quả ghi nhận trách nhiệm của Tổng công ty đối với người lao động và tài sản của công đồng.
- Điều kiện làm việc ở PLC luôn được cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần người lao động được nâng cao góp phần xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp, tạo động lực cho người lao động làm việc nhiệt huyết, ổn định, gắn bó lâu dài với Tổng công ty;
- Năm 2019, Tổng công ty đã mua bảo hiểm thân thể cho 100% cán bộ, người lao động của PLC.

- ***Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương***

Với tinh thần tương thân tương ái, cảm thông và sẻ chia những khó khăn với cộng đồng, Tổng công ty PLC luôn dành một phần ngân sách cho các hoạt động từ thiện, hỗ trợ các trung tâm nuôi dưỡng trẻ em mồ côi khuyết tật, trẻ em đường phố có hoàn cảnh khó khăn cũng như thăm và tặng quà cho người già neo đơn. Đây là những hoạt động thường niên của Tổng công ty PLC nhằm góp phần xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với cộng đồng. Trong năm 2019, Tổng công ty PLC thực hiện chi 997,5 triệu đồng cho một số nội dung công tác từ thiện xã hội như sau:

- Tổng công ty PLC đã phối hợp với 10 Công ty Xăng dầu để trao tặng tổng cộng số tiền 500 triệu đồng đến các em học sinh của các vùng còn khó khăn. Đây là những hoạt động đầy ý nghĩa, thiết thực, không chỉ động viên các em về tinh thần mà còn tiếp thêm cho các em niềm tin và nghị lực tiếp tục vượt khó vươn lên trong học tập.
- Tổng công ty PLC dành hơn 200 triệu đồng để tài trợ cho các gia đình có công với cách mạng tại Thái Bình, Thanh Hóa; các hộ gia đình có điều kiện kinh tế còn đặc biệt khó khăn tại Hà Tĩnh, Kon Tum; giúp đỡ các cháu nhỏ mồ côi cha mẹ, thuộc hộ nghèo nhưng vẫn vươn lên học giỏi để các cháu được tiếp thêm động lực trong cuộc sống và học tập.
- Nhân dịp Tết Nguyên Đán 2019, CĐ TCT đã chi từ Quỹ Công đoàn số tiền 110 triệu đồng để mừng thọ cha mẹ CB-NLĐ và thăm hỏi một số gia đình NLĐ khó khăn nhân dịp tết Nguyên đán.
- Ngoài ra, TCT PLC còn hỗ trợ quỹ hoạt động năm 2019 đối với Ban Liên lạc hưu trí TCT PLC số tiền 105,8 triệu đồng.
- Giúp đỡ chi phí chữa bệnh đối với những người khó khăn, các cháu nhỏ bị ốm bệnh tại Nghệ An, Hà Tĩnh, Phú Yên với số tiền 60 triệu đồng;
- Ngoài ra, Công đoàn TCT PLC, các CĐCSTV, các CĐBP thường xuyên thực hiện trách nhiệm đối với các Hội từ thiện để đóng góp theo các chương trình do các địa phương đề xuất như mua vé xem biểu diễn văn nghệ để ủng hộ các Quỹ, góp tiền ủng hộ xây nhà tình thương, thăm hỏi các gia đình có công với cách mạng, nuôi dưỡng 01 bà mẹ VNAH tại Đà Nẵng từ năm 1996 đến nay.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:**

Năm 2019, Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex tiếp tục khẳng định vị thế trên thị trường trong nước và quốc tế, được người tiêu dùng tin tưởng và đón nhận. Đặc biệt trong năm 2019 sản phẩm Dầu mỡ nhờn của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex được vinh danh Top 10 sản phẩm vàng Việt Nam 2019 và Hàng Việt Nam tin dùng 2019. Bên cạnh đó Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đã triển khai hàng loạt các giải pháp nhằm phát triển và bảo vệ thương hiệu, công tác quản trị không ngừng được nâng cao, tác động tích cực trực tiếp lên công tác điều hành kinh doanh; công tác an toàn tài chính...; Hệ thống CSVCKT của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex tiếp tục được củng cố; Hệ thống cơ sở vật chất được hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ tạo tiền đề cho việc tích hợp công nghệ 4.0.

● **Khối Kinh doanh Dầu mỡ nhờn:**

- Thương hiệu DMN Petrolimex tiếp tục được khẳng định về chất lượng, nhãn hiệu ngày càng được khách hàng chấp nhận. Các sản phẩm DMN Petrolimex ngày càng đa dạng, phong phú có khả năng thay thế hầu hết các sản phẩm DMN của các hãng nước ngoài như CastrolBP, Shell, Total, Caltex...
- Năm 2019, hoạt động SXKD của TCT PLC có nhiều khó khăn do tình hình biến động giá cả ở trong nước, các hãng dầu nhờn khác hầu hết đều chọn các đơn vị tư nhân làm Nhà phân phối có tài chính mạnh nên rất linh hoạt trong chính sách bán hàng, công nợ và chăm sóc khách hàng, nguồn lực của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đưa ra cho kênh phân phối là lớn, đã xây dựng được các giải pháp cụ thể để kiểm soát có hiệu quả để đạt mục tiêu đề ra, nhưng thực tế thực hiện chưa đạt được kết quả sản lượng như mong muốn... Sản lượng DMN giảm sút tại một số các Ngành hàng công nghiệp như: Sản xuất thiết bị điện, mía đường, sắt thép, xây dựng công trình, vận tải đường bộ, vận tải biển...nguyên nhân do sản xuất của các đơn vị khách hàng này cũng gặp rất nhiều khó khăn, chịu sự cạnh tranh, sản xuất bị thu hẹp nên nhu cầu sử dụng DMN giảm theo.
- Tuy nhiên với sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Tập đoàn; Lãnh đạo và CB-NLĐ toàn Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đã nỗ lực tìm giải pháp, tổ chức hoạt động SXKD hiệu quả, đưa ra được các phương án kinh doanh phù hợp, kết thúc năm tài chính 2019 Tổng sản lượng đạt 29.774 m3, tấn bằng 92,51% kế hoạch năm.
- Tổng Doanh thu đạt hơn: 1.476.367 triệu đồng, bằng 91,48% so với Kế hoạch và bằng 101,67% so với thực hiện năm 2018; Lợi nhuận trước thuế 171.839 triệu đồng bằng 106,05% so với kế hoạch đề ra.

● **Khối Kinh doanh Nhựa đường:**

- Trong năm 2019, Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex đã xây dựng hoàn thiện dự án Nhà máy Nhựa đường Cam Ranh. Như vậy, Công ty đã có hệ thống các Nhà máy trải dài trên cả nước. Với đội xe chở nhựa đường được đầu tư chuyên nghiệp đặc biệt là đội xe chở, phun tưới nhũ tương đã khẳng định vị trí nhà cung cấp nhựa đường hàng đầu của Công ty đối với một số dự án lớn. Công tác dịch vụ, kỹ thuật sản phẩm cho Khách hàng chính là điểm lợi thế của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh khẳng định vị thế chất lượng sản phẩm đồng thời hỗ trợ Khách hàng trong công tác thi công.
- Thương hiệu Nhựa đường Petrolimex- Nhà cung cấp nhựa đường hàng đầu Việt Nam đã được khẳng định không chỉ đối với các Chủ đầu tư, nhà thầu mà còn có sự hợp tác, hỗ trợ của các Vụ, Viện, Phòng thí nghiệm trọng điểm giúp Công ty thâm nhập vào các dự án chất lượng.

- Cạnh tranh về cung cấp sản phẩm nhựa đường ở thị trường ngày càng gay gắt; Đồng thời, các đối thủ cũng tăng cường tiếp cận với chủ đầu tư, tư vấn các dự án, tiếp xúc và tạo các tác động để điều chỉnh, chi phối việc lựa chọn nguồn. Bên cạnh đó là Giá dầu biến động khó lường gây nhiều khó khăn cho khâu nhập khẩu, đảm bảo, điều hành giá bán..
- Kết thúc năm tài chính 2019, tổng sản lượng đạt 195.804 tấn, m³ bằng 108,15% so với KH được giao và bằng 97,81% so với thực hiện năm 2018. Doanh thu tiêu thụ đạt 2.252.453 triệu đồng bằng 108,48% so với kế hoạch được giao và bằng 104,84% so với thực hiện năm 2018. Lợi nhuận trước thuế 5.564 triệu đồng bằng 55,06% so với kế hoạch được giao.
- **Khối Kinh doanh Hóa chất:**
 - Trong năm 2019, giá dung môi - hóa chất biến động khó lường đã khiến công tác đánh giá nhận định thị trường gặp rất nhiều khó khăn. Giá một số mặt hàng dung môi hóa chất như Methanol, Xylene, Ethyl Acetate, Butyl Acetate bất ngờ quay đầu giảm vào thời điểm cuối năm dẫn đến việc khách hàng thận trọng trong việc mua bán hàng hóa.
 - Nhu cầu tiêu thụ trong nước năm nay nhìn chung có tăng trưởng tuy nhiên mức tăng chưa được như kỳ vọng. Do đặc thù của thị trường hóa chất là biến động giá mạnh và cạnh tranh gay gắt nên các đối thủ trên thị trường đều cố gắng xây dựng mô hình tổ chức kinh doanh linh hoạt, đáp ứng nhu cầu thị trường một cách nhanh nhất và giành được nhiều thị phần nhất trên thị trường. Mặc dù vẫn nằm trong top dẫn đầu ngành nhưng Công ty luôn gặp phải sự cạnh tranh lớn. Tại thị trường trọng điểm phía Nam, nơi sức tiêu thụ chiếm tới 80% của cả nước, các đối thủ cạnh tranh được dự báo sẽ tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh với các chính sách bán hàng linh hoạt của khối tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
 - Cạnh tranh khốc liệt tại thị trường phía Bắc khi dự kiến tiếp tục có thêm Công ty Hóa Chất Hải Hà đưa vào khai thác kho hóa chất tại Đình Vũ bên cạnh các đối thủ đã có kho Hóa chất tại Đình Vũ là Hóa Chất Miền Bắc và Top Sovent. Trong khi đó, thị trường hóa chất dung môi tại miền Bắc vẫn chưa lớn, nhu cầu hóa chất dung môi chưa thực sự cao dẫn đến có những thời điểm cung vượt cầu và cạnh tranh sẽ ngày càng gay gắt.
 - Kết thúc năm tài chính 2019, tổng sản lượng 161.191 tấn, m³ tăng 12,19% so với kế hoạch được giao và bằng 101,28% so với thực hiện năm 2018. Doanh thu tiêu thụ 2.439.050 triệu đồng bằng 93,39% so với kế hoạch được giao. Lợi nhuận trước thuế 7.958 triệu đồng bằng 41,56% so với kế hoạch được giao và bằng 49,36% so với thực hiện năm 2018.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất năm 2019

Đơn vị tính:

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch SXKD năm 2019	Thực hiện năm 2019	So thực hiện năm 2019	
					TH năm 2018	KH năm 2019
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	389.405	378.771	386.769	99,32%	102,11%
2	Tổng doanh thu thuần	6.434.374	6.436.307	6.160.046	95,74%	95,31%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	194.953	208.146	185.361	95,08%	89,05%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	148.609	166.517	145.164	97,68%	87,18%
*	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	2,31%	2,64%	2,36%	102,03%	89,18%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	11,14%	12,20%	10,98%	98,61%	90,00%
6	Tỷ suất LNST/VĐL	18,39%	20,61%	17,97%	97,68%	87,18%

2. Tình hình tài chính:

- **Tình hình tài sản, nguồn vốn hợp nhất tại thời điểm 31/12/2019**

- Tổng tài sản hợp nhất tại thời điểm 31/12/2019 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex là: 4.464.434 triệu đồng giảm 8,11% so với cuối kỳ năm 2018, tương ứng với 393.810 triệu đồng. Trong đó:
 - + Tài sản Dài hạn tăng 94.622 triệu đồng tập trung chủ yếu tại khoản mục tài sản cố định hữu hình và tài sản xây dựng cơ bản dở dang.
 - + Tài sản Ngắn hạn giảm 488.432 triệu đồng tương ứng với giảm 12,86% so với đầu kỳ, tập trung chủ yếu tại khoản mục phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2019 là 1.321.825 triệu đồng tăng 475 triệu đồng so với đầu kỳ, trong đó chủ yếu là tăng chỉ tiêu Quỹ đầu tư phát triển.

TÀI SẢN HỢP NHẤT TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2019

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	So năm 2019 với năm 2018	
				Giá trị	Tỷ lệ %
Tổng tài sản	triệu đồng	4.858.245	4.464.435	(393.810)	91,89%
Tài sản ngắn hạn	triệu đồng	3.796.856	3.308.424	(488.432)	87,14%
Tài sản dài hạn	triệu đồng	1.061.389	1.156.011	94.622	108,91%

CƠ CẤU TÀI SẢN GIAI ĐOẠN 2017 - 2019

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tiền và các khoản tương đương tiền	374.000	345.000	200.000
Hàng tồn kho	776.730	1.139.100	989.890
Phải thu của khách hàng	1.666.222	1.961.788	1.671.966
Tài sản cố định	508.838	687.069	767.704
Đầu tư tài chính dài hạn	63.233	43.534	31.533
Tài sản khác	165.519	161.671	164.746

TÀI SẢN VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2019

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018		Năm 2019		So năm 2019 với năm 2018		Tỷ lệ tăng/giảm
			Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ %	
A	Tổng tài sản	tr.đ	4.858.245	100,00%	4.464.435	100,00%	(393.810)	91,89%	-8,11%
1	Tài sản ngắn hạn	tr.đ	3.796.856	78,15%	3.308.424	74,11%	(488.432)	87,14%	-12,86%
2	Tài sản dài hạn	tr.đ	1.061.389	21,85%	1.156.011	25,89%	94.622	108,91%	8,91%
B	Tổng nguồn vốn	tr.đ	4.858.245	100,00%	4.464.435	100,00%	-393.810	91,89%	-8,11%
1	Nợ phải trả	tr.đ	3.536.895	72,80%	3.142.610	70,39%	-394.285	88,85%	-11,15%
-	Nợ ngắn hạn	tr.đ	3.448.541	70,98%	3.023.818	67,73%	-424.723	87,68%	-12,32%
-	Nợ dài hạn	tr.đ	88.354	1,82%	118.791	2,66%	30.437	134,45%	34,45%
2	Vốn chủ sở hữu	tr.đ	1.321.350	27,20%	1.321.825	29,61%	475	100,04%	0,04%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	So sánh
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3)
1	Tổng doanh thu thuần	Trđ	6.434.374	6.160.046	95,74%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Trđ	194.953	185.361	95,08%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	Trđ	148.609	145.164	97,68%
4	Tổng tài sản	Trđ	4.858.245	4.464.435	91,89%

- **Về quản lý vốn lưu động:**

- **Vốn bằng tiền:** Từ kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh khả quan liên tục trong nhiều năm, Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đã duy trì được mức giá trị vốn bằng tiền ở mức cao, đồng thời quản lý dòng tiền có hiệu quả, linh hoạt và an toàn, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh cũng như các dự án đầu tư theo kế hoạch.
- **Nợ phải thu khách hàng:** Chiếm 37,45% tổng tài sản. Trong năm, TCT PLC đã tiếp thu ý kiến cổ đông chi phối về việc tăng cường công tác quản trị rủi ro công nợ phải thu khách hàng; tuy nhiên, TCT PLC vẫn phải tiếp tục duy trì chính sách quản lý nợ phải thu, chính sách tín dụng khách hàng theo hướng tạo điều kiện để khách hàng mở rộng thị phần, tăng sản lượng.
- **Hàng tồn kho:** Chiếm 29,92% tài sản ngắn hạn. Chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng nhẹ so với năm 2018 từ 4,88 lên 5,62 do giảm dự trữ tồn kho để chuẩn bị cho kế hoạch sản xuất năm 2020. Năm 2019, không phát sinh mới hàng tồn kho chậm luân chuyển. Chính sách quản lý hàng tồn kho được duy trì.
- **Nợ phải trả người bán ngắn hạn:** Chiếm 29,2% tổng nguồn vốn. Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex duy trì chính sách thanh toán với nhà cung cấp hợp lý và chặt chẽ, phù hợp với tình hình hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex.
- **Về quản lý tài sản dài hạn:** Năm 2019, tài sản cố định hữu hình tăng 11,79%, từ 682.594 triệu đồng lên 763.038 triệu đồng. Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đang duy trì chính sách quản lý tài sản dài hạn và đầu tư mới đã được thiết lập để đảm bảo việc quản lý tài sản đạt hiệu quả cao, phù hợp với sự tăng trưởng trong tương lai, không để xảy ra lãng phí và thất thoát tài sản.

- **Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:**

Năm 2019, Tổng công ty không thực hiện đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

- **Tình hình Đầu tư CSVCKT năm 2019.**

- Năm 2019, các công ty trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư các hạng mục công trình trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính, tạo điều kiện quan trọng để các công ty nâng cao vị thế, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường; không đầu tư ra ngoài ngành hàng kinh doanh chính. Tổng giá trị thực hiện đầu tư năm 2019 là 111.867 triệu đồng, đạt 49,6% so với kế hoạch đầu tư được duyệt trong năm 2019 trong đó: Giá trị thực hiện đầu tư mới là 81.855 triệu đồng, đạt 43,2% so với kế hoạch được duyệt; giá trị sửa chữa lớn là 30.012 triệu đồng, đạt 83,2% so với kế hoạch được duyệt.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/ CHỦ ĐẦU TƯ	KH 2019	TH 2019	TH/ KH 2019 (%)
I	TCT PLC (Công ty mẹ)	80.130	62.409	77,9%
1	Đầu tư mới	61.880	39.677	64,1%
2	Sửa chữa lớn	18.250	22.732	124,6%
II	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	98.939	40.358	40,8%
1	Đầu tư mới	88.974	33.078	37,2%
2	Sửa chữa lớn	9.965	7.280	73,1%
III	Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	46.476	9.100	19,6%
1	Đầu tư mới	38.606	9.100	23,6%
2	Sửa chữa lớn	7.870	0	0,0%
	Tổng cộng (I+II+III):	225.545	111.867	49,6%
	<i>Trong đó:</i>			
1	Đầu tư mới	189.460	81.855	43,2%
2	Sửa chữa lớn	36.085	30.012	83,2%

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2019 chưa đạt được kế hoạch đề ra là do tình hình sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong năm gặp nhiều khó khăn nên chỉ thực hiện đầu tư những hạng mục công trình cấp thiết, bên cạnh đó một số hạng mục đầu tư chậm triển khai do đang hoàn thiện các thủ tục về chuẩn bị đầu tư theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1. Về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý - điều hành

- Tham gia đề án Tái cấu trúc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP do TĐXDVN chủ trì đồng thời thực hiện kiện toàn lại cơ cấu tổ chức của Tổng công ty theo hướng chuyên sâu, phù hợp với tình hình thực tế.
- Sửa đổi, bổ sung, ban hành lại nhiều quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định mới của Nhà nước và pháp luật;
- Tiếp tục nghiên cứu triển khai dự án phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp nhằm đảm bảo thống nhất áp dụng đồng bộ cho Tổng công ty PLC và các Công ty con và gắn liền với mô hình tái cấu trúc mới của Tổng công ty PLC.
- Ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xây dựng bản mô tả công việc theo phương pháp tiên tiến, bước đầu áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC;
- Tăng cường điều hành tài chính hiệu quả giữa các đơn vị trong Tổng công ty.

3.2. Các biện pháp kiểm soát rủi ro, tăng cường hiệu quả hoạt động

- Tăng cường quản lý, giám sát để tiết giảm chi phí, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật tiên tiến từ khâu nhập khẩu, sản xuất, vận tải, bán hàng;
- Nâng cao vai trò quản trị doanh nghiệp thông qua việc ban hành các Quy chế quản lý nội bộ. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát trong toàn Tổng công ty.
- Phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ban nhằm kiểm soát tốt các diễn biến của thị trường, nhanh chóng đưa ra các giải pháp trong từng tình huống cụ thể;
- Tập trung mọi nguồn lực vào lĩnh vực chuyên ngành, không đầu tư vào các ngành nghề mà Tổng công ty không phải là thế mạnh.

4. Kế hoạch phát triển

- Do tác động ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng công ty PLC đang tiếp tục đánh giá các yếu tố kinh tế xã hội để xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư năm 2020 để trình ĐHĐCĐ thường niên 2020.
- Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex cố gắng đảm bảo an toàn mọi mặt trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo đời sống cho cán bộ người lao động, thực hiện tốt các nghĩa vụ với nhà nước, quy định của doanh nghiệp, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý, hoàn thành tái cấu trúc doanh nghiệp...
- Hoàn thiện và đẩy mạnh lộ trình tái cấu trúc doanh nghiệp theo đề án Tái cấu trúc Tổng công ty; xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế nhằm tăng cường khả năng quản trị, kiểm soát hoạt động doanh nghiệp.
- Triển khai đồng bộ các chính sách phát triển thị trường, gia tăng sản lượng bán, tiết giảm chi phí kinh doanh, chi phí tài chính trong toàn hệ thống, tăng cường quản lý và hoàn thiện hệ thống định mức chi phí; Tăng vòng quay hàng tồn kho; Hạn chế và kiểm soát tốt công nợ và tăng cường điều hành tài chính tập trung;
- Triển khai nhanh, hiệu quả phần mềm quản trị hệ thống ERP trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con.
- Thực hiện đúng quy trình, quy định về đầu tư. Đầu tư tập trung để rút ngắn thời gian triển khai, nhanh chóng đưa các công trình vào khai thác, sử dụng để tạo lợi thế, tận dụng được cơ hội kinh doanh.
- Nghiên cứu sản xuất và tiếp thị, nhanh chóng đưa các sản phẩm mới có hiệu quả kinh doanh cao vào thị trường Việt Nam và đưa sản phẩm PLC ra thị trường khu vực...

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

6. Báo cáo đánh giá trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty

6.1. Đánh giá các chỉ tiêu môi trường

- *Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM):* Thực hiện các quy định của pháp luật về đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trước khi thực hiện dự án xây dựng và trong quá trình vận hành các Nhà máy dầu nhờn, Tổng công ty đều lập báo cáo và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo ĐTM và lập kế hoạch BVMT:
- *NMDN Thương Lý:* đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được lập và hoàn thành vào tháng 11 năm 1998 đã được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phê duyệt. Với các hạng mục đầu tư mới, báo cáo ĐTM đã được UBND TP Hải Phòng phê duyệt tại quyết định số: 617/QĐ-UBND ngày 15/04/2016.
- *NMDN Nhà Bè:* Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Cải tạo, mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè” lập tháng 12 năm 2012, được Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh phê duyệt tại quyết định số: 1540/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 21/12/2012.
- *Kho Dầu nhờn Đức Giang:* Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án “Kho Dầu nhờn Đức Giang” lập tháng 12 năm 2008, được Ủy ban nhân dân Quận Long Biên phê duyệt tại văn bản số: 02/GXN-UBND ngày 08/01/2009.
- *Quản lý Nước thải:*
- Khối lượng nước thải trung bình của các kho, nhà máy của Tổng công ty: 18,8 m³/ngày đêm. Quá trình sản xuất, bảo quản hàng hóa tại các kho, nhà máy của Tổng công ty không sử dụng nước và không phát sinh nước thải trong quá trình sản xuất. Lượng nước phát sinh từ các Kho, Nhà máy chủ yếu là nước mưa chảy tràn bề mặt và nước sinh hoạt của khu nhà văn phòng.

- Nước thải được thu gom vào rãnh thoát nước của Nhà máy, được xử lý qua các bể lắng gạn, sau đó đi vào hệ thống thoát nước của các Tổng kho xăng dầu trực thuộc Petrolimex trước khi chảy ra môi trường.

- **Quản lý Chất thải rắn (CTR):**

- Khối lượng chất thải sinh hoạt trung bình tại Kho, Nhà máy của PLC là 305 kg/tháng;
- Chất thải sinh hoạt sau khi thu gom tại các Kho, Nhà máy sẽ chuyển giao cho các công ty môi trường thu gom, xử lý, như Công ty TNHH môi trường Đô thị Hải Phòng; Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ Công ích Huyện Nhà Bè và Xí nghiệp Môi trường đô thị Gia Lâm.

TCT đã thực hiện khai báo hàng năm cơ sở dữ liệu môi trường định kỳ của TCT ngành Công thương;

Cập nhật và thực hiện đầy đủ các quy định, thông tư hướng dẫn mới về công tác bảo vệ môi trường của Chính phủ, Bộ Tài nguyên Môi trường, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

6.2. Đánh giá các vấn đề liên quan đến người lao động

- Hàng năm Tổng công ty đều lập và triển khai kế hoạch về tuyển dụng, lao động, nghỉ hưu theo chế độ, cho người lao động thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động trình HĐQT thông qua, đảm bảo quyền lợi của người lao động đã cam kết tại Thỏa ước lao động tập thể đồng thời phù hợp với chính sách phát triển dài hạn của Tổng công ty.
- Năm 2019, CB-NLĐ Tổng công ty nêu cao tinh thần phấn đấu lập thành tích chào mừng kỷ niệm 25 năm thành lập Tổng công ty, chia sẻ khó khăn trong tình hình kinh doanh nhiều biến động, đồng thời thể hiện mong muốn gắn bó lâu dài với Tổng công ty.
- Năm 2019 không có tranh chấp về lao động và quyền lợi của người lao động đối với các chương trình, kế hoạch mà Tổng công ty đã đề ra luôn được đảm bảo.

6.3. Đánh giá trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Tổng công ty và các tổ chức đoàn thể của PLC nhiệt tình tham gia các cuộc vận động ủng hộ, tham gia công tác xã hội - từ thiện. Giải quyết hợp lý các chi phí cho công tác từ thiện theo quy định tài chính; Tích cực vận động và nhận được sự tham gia rất nhiệt tình ủng hộ từ CB-NLĐ cho công tác xã hội, từ thiện, đóng góp cho các quỹ: Vì người nghèo, vì trẻ em khuyết tật, quỹ nạn nhân chất độc màu da cam, quỹ nghĩa tình đồng đội...
- Phong trào đền ơn đáp nghĩa, xã hội, từ thiện và các phong trào khác theo đặc thù của đơn vị được thực hiện một cách có ý nghĩa. Ủng hộ công tác từ thiện địa phương trú đóng; hỗ trợ, đóng góp cho nhiều đối tượng trong và ngoài Tổng công ty có hoàn cảnh khó khăn ...do Công đoàn và chính quyền phát động. Đặc biệt, trong chiến dịch phòng, chống dịch Covid-19, toàn thể CB-NLĐ TCT PLC đã nhiệt tình hưởng ứng, trích 1 ngày lương để ủng hộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổng số tiền là 293.785.868 đồng. Đồng thời các cán bộ là người quản lý đã tự nguyện giảm 15% mức lương để cùng chia sẻ các khó khăn mà Tập đoàn XĐVN đang phải đối mặt trong chiến dịch phòng chống Covid-19.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Tổng công ty:

- Năm 2019 được đánh giá là năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex gặp rất nhiều khó khăn. Giá dầu thế giới biến động phức tạp, mặc dù kinh tế trong nước ổn định, GDP tăng, lãi suất, tỷ giá, lạm phát biến động thấp... các ngành hàng kinh doanh của Tổng công ty chịu áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt. Ngoài ngành hàng Dầu mỡ nhờn hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đề ra, ngành hàng Hóa chất và ngành hàng Nhựa đường gặp nhiều khó khăn và không hoàn thành kế hoạch.
- + Kinh doanh ngành hàng Dầu mỡ nhờn tiếp tục gặp phải sự cạnh tranh gay gắt, quyết liệt của các Công ty Dầu nhờn nước ngoài tại thị trường Việt Nam như Castrol BP, Total, Shell, Caltex, AP oil (Singapore), Amtecol, GS, Motul,... trên nhiều lĩnh vực như cạnh tranh về giá, sản phẩm, khuyến mại và hỗ trợ bán hàng. Các Công ty trong nước có nguồn hàng giá rẻ như Vilube, Mipec, Nikko, SP, APP,... Các nhóm: Biến thể điện; Thủy điện, nhiệt điện; Đường sắt; Mía đường, Sắt thép, Vận tải.. đều gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, TCT PLC đã áp dụng nhiều biện pháp để hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2019: tiếp tục tổ chức tốt được mối quan hệ với các KHPLX; được các KHPLX đánh giá cao và tiếp tục nhận được sự ủng hộ, quan tâm đầy mạnh kinh doanh dầu mỡ nhờn Petrolimex tại các KHPLX; tình hình giá cả các loại trên thị trường có biến động tăng nhưng PLC vẫn duy trì được giá bán ổn định trong Quý 1, tiếp tục sử dụng bao bì phuy mới cho khách hàng và có chính sách hỗ trợ bán hàng bổ sung phù hợp cho các khách hàng PLX; Các chương trình khuyến mại, hỗ trợ bán hàng đều được các khách hàng hưởng ứng và đánh giá tốt về nội dung, hình thức, thời điểm tổ chức CTKM; Nguồn cung cấp hàng ổn định, tồn kho tốt, đảm bảo cấp hàng đúng theo lịch trình của tàu cả trong và ngoài nước với sự phối hợp tích cực của hệ thống Total Lubmarine toàn cầu; Dịch vụ kỹ thuật được đánh giá cao; Có cơ chế, chính sách áp dụng linh hoạt cho từng đối tượng khách hàng và từng nhóm sản phẩm cụ thể...
- + Trong năm 2019, Công ty Nhựa đường đã xây dựng hoàn thiện dự án Nhà máy Nhựa đường Cam Ranh. Như vậy, Công ty đã có hệ thống các Nhà máy trải dài trên cả nước. Hệ thống này giúp Công ty cung cấp sản phẩm cho các dự án trên toàn quốc với cự ly vận chuyển hợp lý làm tăng khả năng cạnh tranh, tiếp cận các dự án của Công ty. Thị trường xuất khẩu của Công ty tại Lào và Campuchia đã có bước phát triển bền vững và tăng trưởng tốt đặc biệt là thị trường Lào. Công ty Nhựa đường có các lợi thế về hệ thống kho bãi ở khu vực miền Trung, tuy nhiên lợi thế bị ảnh hưởng mạnh bởi các đối thủ cạnh tranh như Adco, Tratimex đã triển khai xây dựng kho bãi với công suất lớn ở Quy Nhơn, Cam Ranh, Chân Mây; Puma xây dựng thêm kho bãi ở Đình Vũ-Hải Phòng với tổng sức chứa trên 21.000 tấn và kho Chu Lai- Quảng Nam với sức chứa 12.000 tấn. Đồng thời, các đối thủ cũng tăng cường tiếp cận với chủ đầu tư, tư vấn các dự án, tiếp xúc và tạo các tác động để điều chỉnh, chi phối việc lựa chọn nguồn, Nhà cung cấp nhựa đường làm tăng chi phí bán hàng và giảm hiệu quả kinh doanh, gây khó khăn cho việc bán nhựa đường vào các dự án, kể cả đã được chấp thuận.
- + Đối với ngành hàng Hóa chất: Giá dầu biến động khó lường tăng giảm theo chu kỳ ngắn dẫn đến giá dung môi - hóa chất biến động khá nhiều đã khiến công tác đánh giá nhận định thị trường hết sức khó khăn. Giá giảm thấp vào thời điểm tháng 1 khi nhu cầu thị trường kém và giữ ổn định trong tháng 2, tăng trở lại vào cuối tháng 3 và đầu tháng 4 dẫn đến khách hàng càng thận trọng trong việc mua hàng. Nhu cầu mua hàng sau Tết của khách hàng không

cao nên việc bán hàng gặp khá nhiều khó khăn. Từ tháng 5 trở đi, giá dầu giảm khá nhiều và do ảnh hưởng chiến tranh thương mại Mỹ - Trung nên tình hình tiêu thụ hàng hóa trên thế giới nói chung và châu Á nói riêng giảm sút nên giá dung môi hóa chất giảm mạnh. Khách hàng càng thận trọng trong vấn đề mua hàng trong khi hàng tồn kho trong nước của các đơn vị cung cấp dung môi hóa chất ở mức cao nên các đơn vị cố gắng bán hàng giảm tồn kho dẫn đến tình hình cạnh tranh khốc liệt ở cả hai miền Nam Bắc.

- Nhằm khắc phục những quy định của Nghị định 20/2017/NĐ-CP về cho vay trong nội bộ, các Công ty con đã được bổ sung vốn điều lệ; Cơ cấu vốn của PLC đang bị mất cân đối, nguồn vốn Chủ sở hữu chỉ đảm bảo tài trợ cho tài sản dài hạn và một phần nhỏ tài sản ngắn hạn, rủi ro là tương đối lớn do phần lớn nguồn vốn ngắn hạn phải đi vay từ các tổ chức tín dụng. Trong khi đó, chủ trương phát hành cổ phiếu để huy động vốn bên ngoài vẫn chưa thực hiện được.
- HĐQT PLC và các đơn vị đã thực hiện quy hoạch cán bộ theo phân cấp quản lý giai đoạn 2019 - 2025. Nhiều Quy chế, Quy định tại các đơn vị được bổ sung, sửa đổi và ban hành mới để phù hợp hơn với tình hình thực tế. Đặc biệt, Tổng công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2019 - 2024; tổ chức thành công Lễ Kỷ niệm 25 năm thành lập Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex tại 3 miền Bắc - Trung - Nam để tri ân các thế hệ CB-NLĐ đã và đang làm việc tại TCT PLC.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

- Trong 25 năm xây dựng và trưởng thành, Ban điều hành Tổng công ty là những người được chọn lựa từ hơn 700 người lao động của Tổng công ty, làm việc mẫn cán, quyết liệt và cẩn trọng. Ban điều hành đã nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông và nhiệm vụ do Hội đồng quản trị đề ra.
- Năm 2019, theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã quyết liệt trong mọi mặt hoạt động, tổ chức sản xuất, quản lý và điều hành tại các kho, nhà máy, các chi nhánh, cũng như trong các phương án đầu tư... Ngoài ra, việc tăng cường giám sát, quản lý, hạn chế hao hụt, cập nhật và cải tiến quy trình quản lý sản xuất đã được Ban điều hành thực hiện đem lại hiệu quả rõ nét trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất.
- Nhìn chung, trong bối cảnh kinh tế còn khó khăn, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã nỗ lực làm việc và có những quyết định linh hoạt, kịp thời để giữ vững hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lợi cho Tổng công ty, đồng thời tiếp tục nâng cao năng lực quản lý và chăm lo đời sống cho người lao động.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Năm 2019, tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ đạt khoảng 2,9%, mức thấp nhất kể từ năm 2008 khi mà các thị trường bị ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng tài chính. Tăng trưởng đã giảm khoảng 6,3% trong quý IV/2019 so với cùng kỳ năm trước tại Nhật Bản. Tại Đức, sản lượng công nghiệp đã giảm mạnh 3,5% trong tháng 12/2019. Tình hình tại Pháp cũng không sáng sủa khi chứng kiến tăng trưởng âm trong quý IV/2019 và con số sản lượng công nghiệp rất tồi tệ khi giảm tới 2,6%. Các nền kinh tế lớn khác cũng đang phải đối mặt với những khó khăn riêng. Nước Mỹ, nền kinh tế lớn nhất thế giới, có vẻ như vẫn kiên cường chống đỡ. Tuy nhiên, tăng trưởng GDP thực tế khoảng 2,1% trong quý IV/2019 chưa đủ để tạo nên một cú hích. Trung Quốc - nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, đã chứng kiến tăng trưởng giảm xuống chỉ còn 6% vào quý IV/2019, mức thấp nhất trong vòng 27 năm qua. Với việc nợ đã ở mức cao kỷ lục, dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19 càng làm tăng nguy cơ khủng hoảng tín dụng trong bối cảnh lãi suất ở mức thấp.
- Cú sốc mà dịch Covid-19 gây ra đối với các thị trường trên toàn thế giới diễn ra đúng lúc

tình hình tài chính nguy hiểm do vòng xoáy nợ toàn cầu. Theo Viện Tài chính Quốc tế, tỷ lệ nợ toàn cầu trên GDP trong quý III/2019 đã đạt mức cao nhất mọi thời đại, trên 322%, tương đương gần 253.000 tỷ USD. Nếu dịch bệnh tiếp tục lây lan, bất kỳ nguy cơ đổ vỡ nào trong hệ thống tài chính đều có khả năng gây ra một cuộc khủng hoảng nợ mới. Hậu quả của dịch bệnh này đối với nền kinh tế toàn cầu sẽ rất lớn nhưng không thể đánh giá chính xác vào thời điểm này, đặc biệt khi xét tới sức nặng của nền kinh tế thứ 2 thế giới. Trong đại dịch SARS hồi năm 2003, Trung Quốc chỉ chiếm khoảng 8,5% GDP toàn cầu. Tuy nhiên, tỷ lệ này hiện nay đã tăng lên gần 20%.

- Dù Chính phủ đã và đang chuẩn bị các kịch bản theo tình hình dịch Covid-19 để chủ động ứng phó, nhưng theo báo cáo đánh giá ảnh hưởng của dịch Covid-19 đối với kinh tế xã hội Việt Nam, Bộ Kế hoạch và đầu tư đã giảm mức dự báo GDP từ 6,8% xuống chỉ còn 5,96% nếu dịch bệnh kéo dài đến quý II- mức thấp nhất trong 7 năm gần đây. Trước những diễn biến khó lường do Covid-19 gây ra cũng như tình hình căng thẳng về chính trị trên thế giới, mọi dự đoán dài hơi đều rất khó. Do vậy, Tổng công ty PLC đang tiếp tục đánh giá các yếu tố kinh tế xã hội để xây dựng kế hoạch SXKD 2020 phù hợp để trình ĐHCĐ thường niên 2020 và đề ra các giải pháp sau đây:
- + Nắm bắt thông tin thị trường thường xuyên, kịp thời để điều hành và xử lý tồn kho đạt hiệu quả cao nhất trong những trường hợp giá biến động mạnh.
- + Theo dõi tình hình biến động của giá nhập khẩu, tỷ giá, lãi suất tiền vay, chính sách quản lý của nhà nước để đảm bảo nguồn hàng ổn định nhằm tăng khả năng cạnh tranh.
- + Đảm bảo nguồn ngoại tệ thanh toán cho lô hàng nhập, cung cấp nguồn hàng kịp thời cho thị trường để tăng doanh thu và thu hồi công nợ đúng hạn.
- + Có những phương án điều hành tài chính, quản trị hàng tồn kho; công nợ,... phù hợp nhằm giảm thiểu tối đa tác động của việc tăng tỷ giá, chi phí lãi vay và vừa đáp ứng được nhu cầu vốn kinh doanh của từng ngành hàng.
- + Cùng với việc nghiên cứu đẩy mạnh công tác bán hàng cho từng ngành hàng, Tổng Công ty PLC nói chung và các đơn vị thuộc Tổng công ty PLC nói riêng sẽ tập trung thu hồi công nợ và xử lý các khoản nợ xấu, khó đòi phù hợp với tính chất kinh doanh của ngành hàng.
- + Tiếp tục quá trình tái cấu trúc tổ chức và quản trị doanh nghiệp; Xây dựng Tổng công ty PLC thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông, đối tác, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.
- + Ngoài những giải pháp chung, các ngành hàng đều đặt ra những giải pháp cụ thể phù hợp với đặc điểm của từng ngành hàng.

V. QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị



Ông Phạm Bá Nhuận

Chủ tịch HĐQT PLC chuyên trách

Sinh năm 1960

Cử nhân Kinh tế lao động.

Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0,0001 %



Ông Nguyễn Văn Đức

UV HĐQT PLC,

Tổng giám đốc PLC

Sinh năm 1960

Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư

Hóa dầu, Cử nhân TCKT,

Cử nhân chính trị.

Tỷ lệ sở hữu CP PLC 0,1879%



Ông Vũ Văn Chiến

UV HĐQT PLC,

CT HĐTV Công ty TNHH

Nhựa đường Petrolimex;

Sinh năm 1961

Thạc sỹ QTKD, Cử nhân

TCKT, Cao cấp LLCT

Tỷ lệ sở hữu CP PLC 0,4764%



Ông Hà Thanh Tuấn

UV HĐQT PLC,

CT HĐTV kiêm GD Công ty

TNHH Hóa Chất Petrolimex

Sinh năm 1963

Thạc sỹ QTKD, Cử nhân TCKT,

Cao cấp LLCT

Tỷ lệ sở hữu CP PLC 0,1186%



Ông Lê Quang Tuấn

UV HĐQT, Phó TGĐ PLC,

TV HĐTV Công ty TNHH

Nhựa đường Petrolimex

Sinh năm 1974

Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Hóa dầu,

Cử nhân kinh tế, Cử nhân

Ngoại ngữ, Cao cấp LLCT.

Tỷ lệ sở hữu CP PLC 0,0084%



Ông Đỗ Hữu Tạo

UV HĐQT - Không điều hành,

TV HĐTV Công ty TNHH

Hóa chất Petrolimex

Sinh năm 1973

Tiến sĩ Hóa dầu

Tỷ lệ sở hữu CP PLC 0,00%



Ông Nguyễn Hà Trung

UV HĐQT - chuyên trách,

TV HĐTV Công ty TNHH

Nhựa đường Petrolimex

Sinh năm 1974

Thạc sỹ QTKD, Cử nhân TCKT

Tỷ lệ sở hữu CP PLC 0,0702%

- Ngày 22/04/2019, Tổng công ty PLC đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, bầu HĐQT NK 2019 - 2024 với 7 thành viên, trong đó: Chủ tịch HĐQT và 01 Thành viên HĐQT làm việc chuyên trách. Ngay sau ĐHĐCĐ thường niên 2019, HĐQT đã rà soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, để HĐQT hoạt động theo quy định của Điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ và hiệu quả. Cụ thể như sau:
 - 1) Ông Phạm Bá Nhuận - Chủ tịch HĐQT chuyên trách: Phụ trách chung, hoạch định chiến lược phát triển trung và dài hạn, chỉ đạo công tác kế hoạch hóa, công tác nhân sự, lương thưởng.
 - 2) Ông Nguyễn Văn Đức - Ủy viên HĐQT - Tổng giám đốc: Phụ trách, chỉ đạo phát triển ngành hàng dầu mỡ nhờn, trực tiếp phụ trách công tác kế hoạch hóa toàn PLC.
 - 3) Ông Vũ Văn Chiến - Ủy viên HĐQT: Phụ trách, chỉ đạo phát triển ngành hàng nhựa đường.
 - 4) Ông Hà Thanh Tuấn - Ủy viên HĐQT: Phụ trách, chỉ đạo phát triển ngành hàng hóa chất.
 - 5) Ông Đỗ Hữu Tạo - Ủy viên HĐQT không điều hành: Phụ trách công tác đầu tư, công nghệ, phát triển.
 - 6) Ông Lê Quang Tuấn - Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc: Phụ trách công tác phát triển sản phẩm, hao hụt.
 - 7) Ông Nguyễn Hà Trung - Ủy viên HĐQT chuyên trách: Phụ trách công tác tài chính, quản trị rủi ro.
- Ngoài 11 phiên họp được triệu tập, Chủ tịch HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 37 lần để ra Nghị quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định. (Chi tiết nội dung các nghị quyết của HĐQT đã được công bố trong Báo cáo quản trị Tổng công ty năm 2019). Qua đó, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành, thông qua việc:
 - + Định kỳ hàng quý, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2019, từ đó kiến nghị xây dựng lại kế hoạch 2019 và đề ra những mục tiêu cụ thể và thông qua các chủ trương, tư vấn biện pháp thực hiện cho ban điều hành.
 - + Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019.
 - + Ban hành, yêu cầu chỉnh sửa bổ sung một số các quy chế nội bộ cho phù hợp với điều kiện quản lý và tổ chức kinh doanh mới.
 - + Công tác tổ chức bộ máy, tổ chức cán bộ, lao động, tiền lương thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.
 - + Giám sát công tác đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.
 - + Công tác vay vốn ngắn hạn và dài hạn tại các Công ty.
 - + Công tác đầu tư bổ sung vốn vào các Công ty con.
 - + Thành lập Tổ giúp việc về các lĩnh vực hoạt động cho Tiểu ban giúp việc số 3 của Ban chỉ đạo tái cấu trúc Tổng công ty PLC.

2. Ban kiểm soát

- Đại hội đồng cổ đông 2019 đã bầu ra Ban Kiểm soát Tổng công ty PLC nhiệm kỳ 2019 - 2024 và tại Hội nghị lần 1, Ban Kiểm soát đã bầu Ông Đoàn Hồng Sáng - Trưởng BKS; Kiểm soát viên bao gồm ông Tống Văn Hải (kiêm nhiệm) và ông Phạm Tuấn Phương.



Ông Đoàn Hồng Sáng
Trưởng BKS - chuyên trách
Sinh năm 1969
Cử nhân Tài chính kế toán; Cao cấp LLCT
Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0,0332 %



Ông Phạm Tuấn Phương
Thành viên BKS chuyên trách
Sinh năm 1968
Thạc sỹ QTKD, Cử nhân
Kế toán thương mại, Kỹ sư
Hóa dầu, Cao cấp LLCT
Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0,0004%



Ông Tống Văn Hải
Thành viên BKS - kiêm nhiệm
Sinh năm 1980
Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Tài chính Ngân hàng
Tỷ lệ sở hữu CP PLC: 0,0062%

- Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tích cực, chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty; Chủ tịch, Giám đốc và Kiểm soát viên các công ty con để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ với một số hoạt động cụ thể:
 - + Xây dựng và ban hành Kế hoạch công tác giám sát năm 2019 tại văn bản số 01/PLC-KH-BKS ngày 18/01/2019.
 - + Tham gia tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Tổng công ty.
 - + Xây dựng ban hành kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ cho từng KSV NK 2019 - 2024
 - + Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019; tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
 - + Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát toàn diện hoạt động của Chi nhánh Nhựa đường Campuchia.
 - + Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát chuyên đề Tổ chức - Lao động - Tiền lương tại Tổng công ty và 2 công ty con TNHH MTV.
 - + Tham gia thảo luận, giám sát việc xây dựng Kế hoạch SXKD, Kế hoạch cân đối vốn, Kế hoạch lao động tiền lương năm 2019...
 - + Thẩm định Báo cáo tài chính định kỳ.
 - + Tham gia thảo luận, góp ý xây dựng, sửa đổi điều lệ, các quy chế, quy định quản lý, quản trị của Tổng công ty và các công ty con.
 - + Tham gia các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến độc lập, khách quan trong phạm vi quyền hạn của Ban kiểm soát.

- + Lập Báo cáo kiểm soát hoạt động Tổng công ty định kỳ đúng quy định, gửi Hội đồng quản trị Tập đoàn.
- + Thực hiện các công việc khác có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty...
- + Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định, đảm bảo dân chủ, minh bạch. Ngoài ra, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin qua Email, điện thoại đối với những công việc liên quan đến hoạt động của đơn vị cần có ý kiến của Ban kiểm soát.
- Năm 2019, từng Kiểm soát viên đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Ban kiểm soát phân công đảm bảo khách quan, trung thực trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát; Mỗi Kiểm soát viên đều phát huy được thế mạnh của từng cá nhân, phối hợp tốt với các đơn vị, các Phòng/Ban của Tổng công ty cũng như các Công ty con trong quá trình triển khai công việc được giao.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

- ***Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:***

- Việc trả tiền lương, tiền thưởng và các thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng Tổng công ty và Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty con được trả theo quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định hiện hành của Tổng công ty gắn với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Mức lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019. Theo đó, Tổng QTL và thù lao HĐQT năm 2019 là: 2.300.224.000 đồng.
- Lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2019 thực hiện theo phương án được ĐHCĐ thường niên năm 2019 thông qua. Theo đó, Tổng lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2019 là 1.129.647.000 đồng.
- Các thu nhập khác thực hiện theo quy định về chính sách đối với người lao động của Nhà nước và của Tổng công ty.

- ***Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có***

- ***Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có***

- ***Việc thực hiện các quy định về quản trị Tổng công ty***

Để tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, trong năm qua, HĐQT đã tiếp tục xem xét, đánh giá và hoàn thiện hệ thống quy trình, từng bước nghiên cứu, áp dụng phương pháp quản trị tiên tiến. Kết quả được thể hiện qua:

- Các Quy chế như Quy chế quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng và các chế độ khác của toàn Tổng công ty, Quy chế quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng của NQL Công ty mẹ- Tổng công ty và NQL của các Công ty con; Quy chế quản lý lao động và phân phối tiền lương, tiền thưởng của NLD Tổng công ty PLC; Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng tại PLC; Quy chế quản lý của Người đại diện vốn của PLC tại doanh nghiệp khác. Sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của Người đại diện vốn của PLX tại PLC; Quy chế quản lý công tác tổ chức cán bộ của PLC; Quy định chế độ thông tin báo cáo HĐQT PLC; Đồng thời HĐQT quyết định thay đổi Điều lệ của các công ty con cho phù hợp với mô hình tổ chức mới và quy mô Vốn điều lệ tại Công ty con và yêu cầu HĐQT ban hành một số quy chế quản trị nội bộ để vận hành cho phù hợp với quy định của pháp luật và định hướng của HĐQT PLC. HĐQT PLC đang cho tiến hành rà soát và hoàn thiện định hướng pháp lý trong điều kiện tái cấu trúc và thực tiễn

như: ban hành mới Quy chế tài chính toàn hệ thống PLC (bao gồm Công ty mẹ và công ty con), Quy chế bảo lãnh tín dụng (của Công ty mẹ đối với các Công ty con...)

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai ứng dụng hệ thống thông tin quản trị hiện đại vào quản lý, bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(đính kèm)*



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thông tin về Tổng công ty

Quyết định cổ phần hóa số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 1 tháng 3 năm 2004.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0101463614 ngày 16 tháng 8 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 16 tháng 8 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên
Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Tạo	Thành viên
Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên
Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên
	(từ ngày 22/4/2019)
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
	(đến ngày 22/4/2019)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc
	(đến ngày 6/8/2019)

Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Tuấn Phương	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Tống Văn Hải	Thành viên Ban kiểm soát

Trụ sở đăng ký

Tầng 18&19, Số 229 Phố Tây Sơn
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 3 tháng 4 năm 2020



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 3 tháng 4 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.308.424.386.005	3.796.855.857.485
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	416.998.526.083	583.654.569.745
Tiền	111		216.998.526.083	238.654.569.745
Các khoản tương đương tiền	112		200.000.000.000	345.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		260.000.000.000	110.809.348.225
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	260.000.000.000	110.809.348.225
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.568.634.391.937	1.879.061.716.476
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.671.965.977.147	1.961.788.378.146
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		51.334.941.717	65.456.780.201
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	20.292.054.062	24.767.983.838
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(174.958.580.989)	(174.112.269.929)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	1.160.844.220
Hàng tồn kho	140	10	989.890.962.425	1.139.100.144.752
Hàng tồn kho	141		989.890.962.425	1.139.100.144.752
Tài sản ngắn hạn khác	150		72.900.505.560	84.230.078.287
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.043.306.870	5.548.179.434
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		61.191.805.006	77.441.856.931
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	6.665.393.684	1.240.041.922

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.156.010.566.369	1.061.388.948.861
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.671.357.437	4.258.194.500
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	4.671.357.437	4.258.194.500
Tài sản cố định	220		767.704.213.470	687.069.310.400
Tài sản cố định hữu hình	221	11	763.037.659.609	682.593.993.727
Nguyên giá	222		1.436.116.030.000	1.283.916.863.607
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(673.078.370.391)	(601.322.869.880)
Tài sản cố định vô hình	227	12	4.666.553.861	4.475.316.673
Nguyên giá	228		11.271.415.312	10.371.535.312
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.604.861.451)	(5.896.218.639)
Bất động sản đầu tư	230		-	3.234.686.485
Nguyên giá	231	13	-	3.234.686.485
Tài sản dở dang dài hạn	240		187.356.203.753	161.622.078.712
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	187.356.203.753	161.622.078.712
Đầu tư tài chính dài hạn	250		31.533.030.158	43.534.152.089
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	31.533.030.158	43.534.152.089
Tài sản dài hạn khác	260		164.745.761.551	161.670.526.675
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	164.745.761.551	161.670.526.675
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.464.434.952.374	4.858.244.806.346

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.142.609.666.080	3.536.895.247.773
Nợ ngắn hạn	310		3.023.818.407.804	3.448.541.089.131
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	1.303.707.671.543	1.139.012.442.445
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.037.064.202	11.302.020.252
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	25.650.237.434	40.377.045.910
Phải trả người lao động	314		22.699.552.364	52.820.969.832
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	13.377.538.802	19.115.927.970
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	22.669.095.965	22.452.493.869
Vay ngắn hạn	320	21(a)	1.605.206.416.678	2.159.810.073.891
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	6.470.830.816	3.650.114.962
Vay dài hạn	330		118.791.258.276	88.354.158.642
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		8.620.200.983	-
Vay dài hạn	338	21(b)	108.758.449.420	88.354.158.642
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.412.607.873	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.321.825.286.294	1.321.349.558.573
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.321.825.286.294	1.321.349.558.573
Vốn cổ phần	411	24	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	24	(12.730.000)	(12.730.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		486.759.603	(75.378.983)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	345.201.116.411	338.290.620.318
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		21.073.673.140	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	143.060.827.140	150.667.802.547
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.785.939.430)	2.058.606.676
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		144.846.766.570	148.609.195.871
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.464.434.952.374	4.858.244.806.346

Ngày 3 tháng 4 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng	01	28	6.160.045.784.751	6.436.721.061.854
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	-	2.346.752.147
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	28	6.160.045.784.751	6.434.374.309.707
Giá vốn hàng bán	11	29	5.319.485.353.753	5.559.672.265.128
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		840.560.430.998	874.702.044.579
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	44.108.876.437	31.551.861.295
Chi phí tài chính	22	31	137.239.836.013	111.784.576.650
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		127.080.101.022	86.442.840.497
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(12.001.121.931)	(19.698.489.700)
Chi phí bán hàng	25	32	468.666.924.531	491.712.217.641
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	105.293.152.047	95.848.963.644
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		161.468.272.913	187.209.658.239
Thu nhập khác	31	34	27.580.737.520	9.550.049.163
Chi phí khác	32		3.687.855.448	1.806.733.552
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		23.892.882.072	7.743.315.611
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		185.361.154.985	194.952.973.850
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	38.784.385.160	46.343.777.979
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.412.607.873	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		145.164.161.952	148.609.195.871
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ	61		145.164.161.952	148.609.195.871
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	1.599	1.712

Ngày 3 tháng 4 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2019 VND	2018 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	185.361.154.985	194.952.973.850
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	78.012.470.516	64.238.160.803
Các khoản dự phòng	03	846.311.060	(13.604.418.502)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.534.925.168)	(1.487.054.180)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(34.607.940.873)	1.306.955
Chi phí lãi vay	06	127.080.101.022	86.442.840.497
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	355.157.171.542	330.543.809.423
Biến động các khoản phải thu	09	335.501.668.323	(349.681.304.872)
Biến động hàng tồn kho	10	149.209.182.327	(362.370.615.087)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	152.790.077.924	385.226.837.648
Biến động chi phí trả trước	12	(5.409.016.787)	(4.463.015.666)
		987.249.083.329	(744.288.554)
Tiền lãi vay đã trả	14	(127.889.306.378)	(85.633.635.141)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(50.035.793.266)	(40.475.633.063)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.143.777.918)	(15.187.426.899)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	796.180.205.767	(142.040.983.657)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(202.290.631.138)	(222.210.840.888)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	24.558.563.798	1.372.062.558
Tiền chi mua công cụ nợ thuần	23	(149.190.651.775)	(66.957.998.225)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	26.799.459.217	15.387.657.871
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(300.123.259.898)	(272.409.118.684)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2019 VND	2018 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	4.658.027.644.999	4.728.392.912.277
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.191.981.017.616)	(4.133.547.632.811)
Tiền trả cổ tức	36	(129.245.275.800)	(161.371.354.225)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(663.198.648.417)	433.473.925.241
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(167.141.702.548)	19.023.822.900
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	583.654.569.745	564.861.713.102
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	485.658.886	(230.966.257)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	416.998.526.083	583.654.569.745

Ngày 3 tháng 4 năm 2020

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:

Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởngNguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty và các công ty con là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng công ty:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng công ty có 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2 (1/1/2019: 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2) như sau:

			31/12/2019 và 1/1/2019 % sở hữu và % quyền biểu quyết
	Hoạt động chính	Địa chỉ	
Công ty con cấp 1			
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Hà Nội	100%
Công ty con cấp 2			
Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào (*)	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Viêng- chăn, Lào	100%

(*) Đây là công ty con của Công ty TNHH Nhựa Đường. Công ty được thành lập trong năm 2017.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng công ty có 1 công ty liên kết (1/1/2019: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 15.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng công ty và các công ty con có 734 nhân viên (1/1/2019: 721 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không được dùng để chia cổ tức.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 17 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 - 10 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đầu tư sàn văn phòng

Chi phí đầu tư sàn văn phòng là chi phí trả trước cho việc mua văn phòng tại Tầng 18 và Tầng 19 Tòa nhà Mipex, Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm mua đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(v) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác chủ yếu bao gồm chi phí vận tải trả trước và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu trừ đi ảnh hưởng thuế. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Vốn khác và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Khi quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, phần được sử dụng được kết chuyển tăng vốn khác của Tổng Công ty.

(p) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý do Tổng công ty và các công ty con chủ yếu thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Tập đoàn”) và các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn.

4. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được cấu trúc theo mô hình công ty mẹ - công ty con và mỗi công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

- Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn;
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng nhựa đường; và
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex: Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất có nguồn gốc từ dầu mỏ.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.469.011.205.459	2.251.995.752.506	2.439.038.826.786	-	6.160.045.784.751
Doanh thu giữa các bộ phận	7.356.291.302	457.150.072	11.110.000	(7.824.551.374)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.476.367.496.761	2.252.452.902.578	2.439.049.936.786	(7.824.551.374)	6.160.045.784.751
Giá vốn hàng bán	1.039.912.980.353	2.020.024.556.484	2.267.372.368.290	(7.824.551.374)	5.319.485.353.753
Chi phí bán hàng	200.666.944.845	175.839.214.119	92.160.765.567	-	468.666.924.531
Chi phí quản lý doanh nghiệp	65.649.006.671	22.670.681.401	16.973.463.975	-	105.293.152.047
Kết quả kinh doanh của bộ phận	170.138.564.892	33.918.450.574	62.543.338.954	-	266.600.354.420
Doanh thu hoạt động tài chính	25.737.390.960	26.964.438.033	12.623.580.702	(21.216.533.258)	44.108.876.437
Chi phí tài chính	23.596.573.877	57.928.764.533	67.715.619.534	(12.001.121.931)	137.239.836.013
Phần lỗ trong công ty liên kết	-	-	-	(12.001.121.931)	(12.001.121.931)
Thu nhập khác	24.414.348.362	2.646.058.169	520.330.989	-	27.580.737.520
Chi phí khác	3.638.079.128	36.210.774	13.565.546	-	3.687.855.448
Kết quả từ các hoạt động khác	22.917.086.317	(28.354.479.105)	(54.585.273.389)	(21.216.533.258)	(81.239.199.435)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	193.055.651.209	5.563.971.469	7.958.065.565	(21.216.533.258)	185.361.154.985
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.699.101.364	1.798.790.263	1.286.493.533	-	38.784.385.160
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	1.412.607.873	-	-	1.412.607.873
Lợi nhuận thuần sau thuế	157.356.549.845	2.352.573.333	6.671.572.032	(21.216.533.258)	145.164.161.952

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Dầu mỡ nhờn VND		Nhựa đường VND		Hóa chất VND		Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND		Tổng cộng VND
	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại		
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.444.256.664.555	2.148.444.787.833	2.841.672.857.319	-	6.434.374.309.707				
Doanh thu giữa các bộ phận	7.930.962.872	-	-	(7.930.962.872)	-				
Tổng doanh thu của bộ phận	1.452.187.627.427	2.148.444.787.833	2.841.672.857.319	(7.930.962.872)	6.434.374.309.707				
Giá vốn hàng bán	995.192.460.158	1.896.216.632.690	2.676.194.135.152	(7.930.962.872)	5.559.672.265.128				
Chi phí bán hàng	216.240.488.931	193.225.212.807	82.246.515.903	-	491.712.217.641				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	54.075.609.578	21.731.575.383	20.041.778.683	-	95.848.963.644				
Kết quả kinh doanh của bộ phận	186.679.068.760	37.271.366.953	63.190.427.581	-	287.140.863.294				
Doanh thu hoạt động tài chính	17.285.940.218	19.593.083.810	10.186.534.349	(15.513.697.082)	31.551.861.295				
Chi phí tài chính	32.686.754.613	40.373.779.228	58.422.532.509	(19.698.489.700)	111.784.576.650				
Phần lỗ trong công ty liên kết	(19.698.489.700)	-	-	-	(19.698.489.700)				
Thu nhập khác	2.834.331.096	5.543.050.094	1.172.667.973	-	9.550.049.163				
Chi phí khác	1.803.286.993	12.080	3.434.479	-	1.806.733.552				
Kết quả từ các hoạt động khác	(34.068.259.992)	(15.237.657.404)	(47.066.764.666)	4.184.792.618	(92.187.889.444)				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	152.610.808.768	22.033.709.549	16.123.662.915	4.184.792.618	194.952.973.850				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.488.072.978	9.799.321.026	5.056.383.975	-	46.343.777.979				
Lợi nhuận thuần sau thuế	121.122.735.790	12.234.388.523	11.067.278.940	4.184.792.618	148.609.195.871				

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.622.933.390	361.532.425.107	24.843.167.586	-	416.998.526.083
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	260.000.000.000	-	-	260.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	123.480.765.977	764.994.867.163	683.279.254.464	(3.120.495.667)	1.568.634.391.937
Hàng tồn kho	364.462.278.838	198.360.044.356	427.068.639.231	-	989.890.962.425
Tài sản ngắn hạn khác	1.034.603.293	36.643.347.740	35.222.554.527	-	72.900.505.560
Các khoản phải thu dài hạn	-	3.825.000.000	846.357.437	-	4.671.357.437
Tài sản cố định	270.435.178.251	286.709.325.192	210.559.710.027	-	767.704.213.470
Tài sản dở dang dài hạn	51.357.231.938	122.547.385.913	13.451.585.902	-	187.356.203.753
Đầu tư tài chính dài hạn	647.233.030.158	-	-	(615.700.000.000)	31.533.030.158
Tài sản dài hạn khác	71.795.036.694	21.824.959.216	71.125.765.641	-	164.745.761.551
Tổng tài sản	1.560.421.058.539	2.056.437.354.687	1.466.397.034.815	(618.820.495.667)	4.464.434.952.374
Nguồn vốn					
Nợ ngắn hạn	251.474.069.747	1.620.989.603.415	1.154.475.230.309	(3.120.495.667)	3.023.818.407.804
Nợ dài hạn	-	68.955.571.845	49.835.686.431	-	118.791.258.276
Vốn chủ sở hữu	1.308.946.988.792	366.492.179.427	262.086.118.075	(615.700.000.000)	1.321.825.286.294
Tổng nguồn vốn	1.560.421.058.539	2.056.437.354.687	1.466.397.034.815	(618.820.495.667)	4.464.434.952.374
Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019					
Chi tiêu vốn	96.967.446.260	85.666.762.310	19.656.422.568	-	202.290.631.138
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	30.025.409.175	28.490.065.576	16.487.319.808	-	75.002.794.559
Khấu hao tài sản cố định vô hình	290.689.344	417.953.468	-	-	708.642.812

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2019

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.328.060.944	505.075.446.694	43.251.062.107	-	583.654.569.745
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	110.809.348.225	-	-	110.809.348.225
Các khoản phải thu ngắn hạn	135.748.972.061	726.875.906.101	1.017.725.748.121	(1.288.909.807)	1.879.061.716.476
Hàng tồn kho	365.792.457.133	311.218.554.916	462.089.132.703	-	1.139.100.144.752
Tài sản ngắn hạn khác	1.315.992.750	40.380.248.178	42.533.837.359	-	84.230.078.287
Các khoản phải thu dài hạn	63.476.000.000	3.854.175.300	404.019.200	(63.476.000.000)	4.258.194.500
Tài sản cố định	193.572.669.120	266.867.444.172	226.629.197.108	-	687.069.310.400
Bất động sản đầu tư	3.234.686.485	-	-	-	3.234.686.485
Tài sản dở dang dài hạn	74.128.020.926	86.729.770.636	764.287.150	-	161.622.078.712
Đầu tư tài chính dài hạn	553.534.152.089	-	-	(510.000.000.000)	43.534.152.089
Tài sản dài hạn khác	66.220.586.959	24.995.055.581	70.454.884.135	-	161.670.526.675
Tổng tài sản	1.492.351.598.467	2.076.805.949.803	1.863.852.167.883	(574.764.909.807)	4.858.244.806.346
Nguồn vốn					
Nợ ngắn hạn	203.241.522.807	1.681.636.164.624	1.564.952.311.507	(1.288.909.807)	3.448.541.089.131
Nợ dài hạn	-	45.567.761.776	106.262.396.866	(63.476.000.000)	88.354.158.642
Vốn chủ sở hữu	1.289.110.075.660	349.602.023.403	192.637.459.510	(510.000.000.000)	1.321.349.558.573
Tổng nguồn vốn	1.492.351.598.467	2.076.805.949.803	1.863.852.167.883	(574.764.909.807)	4.858.244.806.346
Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018					
Chi tiêu vốn	56.807.046.107	92.688.354.191	72.715.440.590	-	222.210.840.888
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	23.187.962.634	24.594.310.344	13.412.441.460	-	61.194.714.438
Khấu hao tài sản cố định vô hình	262.524.339	315.190.611	-	-	577.714.950

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	4.290.288.149	4.368.026.806
Tiền gửi ngân hàng	212.708.237.934	234.226.535.840
Tiền đang chuyển	-	60.007.099
Các khoản tương đương tiền	200.000.000.000	345.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	416.998.526.083	583.654.569.745

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm 4.000 triệu VND (1/1/2019: 4.000 triệu VND) bị hạn chế sử dụng để phục vụ việc thi hành án trong một vụ kiện mà Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex, một công ty con, là nguyên đơn.

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất từ 6% đến 7,5% một năm (1/1/2019: 5% - 6%).

Giá trị hợp lý của đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
<i>Các công ty liên quan</i>		
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	40.408.901.531	40.450.119.028
<i>Các bên khác</i>		
▪ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hà Anh Phát	152.661.422.691	84.549.456.035
▪ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Gia Anh	119.802.577.290	185.399.448.460
▪ Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Việt Quang Phát	94.613.776.620	104.773.607.558
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng giao thông Phương Thành	50.059.371.586	95.919.706.812
▪ Công ty TNHH Hóa chất Việt Linh	-	208.339.676.088
▪ Các khách hàng khác	1.214.419.927.429	1.242.356.364.165
	1.671.965.977.147	1.961.788.378.146

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu khác từ các công ty thuộc Petrolimex	723.597.078	807.597.093
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	10.836.599.067	12.499.840.830
Lãi tiền gửi dự thu	2.982.506.849	4.496.780.575
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.749.351.068	6.963.765.340
	20.292.054.062	24.767.983.838

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Đặt cọc cho dự án Kho Nhựa Đường	3.825.000.000	3.854.175.300
Đặt cọc cho sử dụng dịch vụ khu công nghiệp	846.357.437	404.019.200
	4.671.357.437	4.258.194.500

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

31/12/2019	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn			
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	108.388.925.512	(1.396.547.407)	106.992.378.105
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	76.382.473.084	(13.542.160.310)	62.840.312.774
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	17.968.902.279	(7.298.210.455)	10.670.691.824
▪ Từ 3 năm trở lên (*)	160.934.352.816	(152.721.662.817)	8.212.689.999
	363.674.653.691	(174.958.580.989)	188.716.072.702

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (174.958.580.989)

1/1/2019	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn			
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	122.487.509.186	(3.034.186.864)	119.453.322.322
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	25.866.878.835	(7.428.326.850)	18.438.551.985
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.223.187.943	(1.216.468.303)	1.006.719.640
▪ Từ 3 năm trở lên (*)	171.304.972.463	(162.433.287.912)	8.871.684.551
	321.882.548.427	(174.112.269.929)	147.770.278.498

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (174.112.269.929)

(*) Phải thu có thời gian quá hạn trên 3 năm bao gồm 7.452.556.100 VND là khoản phải thu của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (“Nhựa đường Petrolimex”), một công ty con của Tổng công ty, từ Công ty Cổ phần 116 - Cienco 1, nay là Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 116 (“Giao thông 116”). Theo Bản án sơ thẩm số 12/2019/DS-KDTM ngày 27 tháng 9 năm 2019, Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nhựa đường

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Petrolimex, buộc Giao thông 116 phải thanh toán khoản tiền này cho Nhựa đường Petrolimex. Bản án cũng nêu rõ, trường hợp Giao thông 116 không trả được thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài (“BIDV Phú Tài”) phải có nghĩa vụ thanh toán cho Nhựa đường Petrolimex với tư cách là bên đứng ra bảo lãnh thực hiện hợp đồng kinh tế giữa Nhựa đường Petrolimex với Giao thông 116. Sau khi nhận được bản án sơ thẩm này, BIDV Phú Tài đã nộp đơn kháng cáo lên Tòa phúc thẩm để xem xét lại quyết định trên. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, phiên xử phúc thẩm theo kháng cáo của BIDV Phú Tài chưa được diễn ra. Ban lãnh đạo Nhựa đường Petrolimex đánh giá kết quả theo Bản án sơ thẩm số 12/2019/DS-KDTM ngày 27 tháng 9 năm 2019 sẽ không thay đổi.

10. Hàng tồn kho

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND Đã điều chỉnh lại	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	129.797.440.156	-	133.781.571.545	-
Nguyên vật liệu	228.208.252.279	-	205.886.591.976	-
Công cụ và dụng cụ	15.182.830.108	-	11.587.725.689	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	29.765.402.341	-	27.921.338.499	-
Thành phẩm	159.528.817.161	-	192.143.410.296	-
Hàng hóa	427.408.220.380	-	567.779.506.747	-
	<hr/>			
	989.890.962.425	-	1.139.100.144.752	-

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	679.728.290.939	386.327.721.261	191.038.122.947	26.822.728.460	1.283.916.863.607
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 – theo báo cáo trước đây	672.916.400.407	384.113.255.358	191.038.122.947	26.822.728.460	1.274.890.507.172
Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 40)	6.811.890.532	2.214.465.903	-	-	9.026.356.435
Tăng trong năm	4.891.102.426	23.331.647.737	2.231.761.861	3.605.526.464	34.060.038.488
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	59.547.729.035	53.290.249.184	7.933.283.302	-	120.771.261.521
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	841.969.236	-	-	-	841.969.236
Thanh lý	(851.958.862)	(1.190.893.684)	(616.892.133)	(814.358.173)	(3.474.102.852)
Số dư cuối năm	744.157.132.774	461.758.724.498	200.586.275.977	29.613.896.751	1.436.116.030.000

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	250.993.012.358	209.189.793.366	120.562.347.025	20.577.717.131	20.577.717.131	601.322.869.880
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	251.439.310.944	208.878.581.216	120.562.347.025	20.577.717.131	20.577.717.131	601.457.956.316
– theo báo cáo trước đây	(446.298.586)	311.212.150	-	-	-	(135.086.436)
Điều chỉnh theo báo cáo của						
Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 40)	32.731.153.588	27.346.773.272	12.226.182.207	2.698.685.492	2.698.685.492	75.002.794.559
Khấu hao trong năm	226.808.804	-	-	-	-	226.808.804
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	(851.958.862)	(1.190.893.684)	(616.892.133)	(814.358.173)	(814.358.173)	(3.474.102.852)
Thanh lý						
Số dư cuối năm	283.099.015.888	235.345.672.954	132.171.637.099	22.462.044.450	22.462.044.450	673.078.370.391
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	428.735.278.581	177.137.927.895	70.475.775.922	6.245.011.329	6.245.011.329	682.593.993.727
Số dư cuối năm	461.058.116.886	226.413.051.544	68.414.638.878	7.151.852.301	7.151.852.301	763.037.659.609

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản với nguyên giá 254.970 triệu VND (1/1/2019: 241.191 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị ghi sổ của tài sản cố định là 34.022 triệu VND (1/1/2019: không có) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của các công ty con (Thuyết minh 21(b)).

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	10.371.535.312
Tăng trong năm	899.880.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	11.271.415.312
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	5.896.218.639
Khấu hao trong năm	708.642.812
	<hr/>
Số dư cuối năm	6.604.861.451
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	4.475.316.673
Số dư cuối năm	4.666.553.861
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có tài sản với nguyên giá 3.814 triệu VND (1/1/2019: 3.814 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Bất động sản đầu tư

Trong năm 2019, Tổng công ty đã tổ chức đấu giá, thanh lý thành công quyền sử dụng thửa đất Số 52, 53, Khu E1, tại Đường 2 tháng 9, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019****(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2019 VND	2018 VND Đã điều chỉnh lại
Số dư đầu năm	161.622.078.712	152.870.182.358
Tăng trong năm – đã điều chỉnh lại	146.585.925.664	187.621.724.020
<i>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</i>		
<i>– theo báo cáo trước đây</i>	-	188.641.394.031
<i>Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 40)</i>	-	(1.019.670.011)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(120.771.261.521)	(179.659.529.483)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(77.539.102)	(497.324.830)
Phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn	-	1.287.026.647
Giảm khác	(3.000.000)	-
Số dư cuối năm	187.356.203.753	161.622.078.712

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP		
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	23.191.357.171	19.487.082.963
Dự án xây dựng Nhà máy dầu nhờn Đình Vũ	194.826.446	28.998.059.137
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	18.075.697.277	8.087.296.789
Các dự án khác	9.895.351.044	17.555.582.037
	51.357.231.938	74.128.020.926
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex		
Dự án xây dựng Kho Cam Ranh	105.023.650.860	60.498.582.070
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Thượng Lý	2.165.279.042	1.381.999.396
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Cửa Lò	4.260.430.520	10.242.466.258
Các dự án khác	11.098.025.491	14.606.722.912
	122.547.385.913	86.729.770.636
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex		
Công trình kho hóa chất dung môi Đình Vũ	12.687.298.752	-
Các dự án khác	764.287.150	764.287.150
	13.451.585.902	764.287.150
	187.356.203.753	161.622.078.712

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 4.775 triệu VND (1/1/2019: 6.388 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị ghi sổ của chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 117.711 triệu VND (1/1/2019: 60.499 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con (Thuyết minh 21(b)).

15. Đầu tư tài chính dài hạn

Địa chỉ	31/12/2019		1/1/2019				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết			
Công ty liên kết							
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	6.600.000	43,78%	31.533.030.158	6.600.000	43,78%	43.534.152.089

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì trong kỳ số lượng giao dịch các cổ phiếu tương ứng của đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	43.534.152.089	63.232.641.789
Phân lỗ trong công ty liên kết	(12.001.121.931)	(19.698.489.700)
Số dư cuối năm	31.533.030.158	43.534.152.089

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đầu tư sản văn phòng VND	Chi phí đất trả trước (*) VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 – đã điều chỉnh lại	62.305.317.585	65.918.555.585	9.263.021.482	9.039.639.956	15.143.992.067	161.670.526.675
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 – đã báo cáo trước đây	62.305.317.585	65.918.555.585	9.263.021.482	14.310.624.087	15.143.992.067	166.941.510.806
Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 40)	-	-	-	(5.270.984.131)	-	(5.270.984.131)
Tăng trong năm	-	-	8.404.115.473	17.127.257.921	4.924.156.900	30.455.530.294
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	77.539.102	77.539.102
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-	-	(615.160.432)	-	(615.160.432)
Phân bổ trong năm	(1.737.029.554)	(564.003.591)	(5.507.772.624)	(12.553.171.280)	(6.480.697.039)	(26.842.674.088)
Số dư cuối năm	60.568.288.031	65.354.551.994	12.159.364.331	12.998.566.165	13.664.991.030	164.745.761.551

(*)

Trong chi phí đất trả trước có giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 49.562 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex, một công ty con của Tổng công ty (Thuyết minh 21(b)).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
Các công ty liên quan		
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	985.524.163.548	579.067.321.464
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	15.721.899.712	13.559.476.414
▪ Công ty TNHH Castrol BP Petco	1.681.816.007	2.590.816.679
	1.002.927.879.267	595.217.614.557
Các bên khác		
▪ Petronas Chemical Marketing	56.188.792.718	38.939.965.688
▪ Công ty TNHH DV&TM Hà Anh Phát	46.055.889.427	625.889.427
▪ Shell Eastern Trading Pte., Ltd.	43.211.518.921	64.213.880.143
▪ Fortrec Chemicals and Petroleum Pte., Ltd.	33.390.919.088	-
▪ ELF Lubrifiants	13.867.147.306	-
▪ Integra Petrochemicals Pte., Ltd.	-	99.402.320.130
▪ Grand Resources Group Co., Ltd.	-	66.359.290.251
▪ Interchem Pte., Ltd.	-	53.556.934.106
▪ Wuxi Baichuan Chemical Industrial Co., Ltd.	-	44.631.665.691
▪ Hin Hin Trading Pte., Ltd.	-	27.155.404.769
▪ Zibo Qixiang Tengda Chemical Co.,	-	19.670.329.972
▪ Total Lubrifiants	-	13.028.711.451
▪ Lubrizol Southeast Asia Ltd.	-	6.446.333.786
▪ Các nhà cung cấp khác	108.065.524.816	109.764.102.474
	300.779.792.276	543.794.827.888
	1.303.707.671.543	1.139.012.442.445

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 - 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2019		Số phát sinh trong năm		Số đã khấu trừ trong năm		31/12/2019	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã khấu trừ VND	Phải thu VND	Phải nộp VND	
		Đã điều chỉnh lại						
Thuế giá trị gia tăng	-	23.507.335.207	1.397.674.635.611	(688.130.929.786)	(722.496.745.238)	-	10.554.295.794	
Thuế nhập khẩu	1.395	-	20.836.910.125	(20.836.908.730)	-	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.056.843.365	14.660.457.935	38.784.385.160	(50.035.793.266)	-	6.444.563.274	8.796.769.738	
Thuế bảo vệ môi trường	-	1.393.144.596	60.972.273.480	(58.042.792.744)	-	-	4.322.625.332	
Thuế thu nhập cá nhân	18.352.162	744.113.767	7.630.120.769	(6.437.084.962)	-	55.984.016	1.974.781.428	
Thuế khác	164.845.000	71.994.405	1.874.767.077	(1.944.997.734)	-	164.846.394	1.765.142	
	1.240.041.922	40.377.045.910	1.527.773.092.222	(825.428.507.222)	(722.496.745.238)	6.665.393.684	25.650.237.434	

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí hỗ trợ bán dầu mỡ nhờn	9.117.538.802	557.973.257
Chi phí phải trả về xây dựng cơ bản dở dang	4.260.000.000	17.748.749.357
Lãi vay phải trả	-	809.205.356
	13.377.538.802	19.115.927.970

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải trả cổ tức	1.589.822.300	1.558.992.500
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	3.280.780.703	3.627.395.659
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000.000	15.000.000.000
Các khoản phải trả khác	2.798.492.962	2.266.105.710
	22.669.095.965	22.452.493.869

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Biến động trong năm		31/12/2019
	1/1/2019	Thăng	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.154.826.503.746	4.601.931.457.308	1.573.871.011.576
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	4.983.570.145	35.691.896.913	31.335.405.102
	2.159.810.073.891	4.637.623.354.221	1.605.206.416.678

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm %	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	3,6 - 5,8	462.892.874.283	779.838.077.478
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	5,2 - 5,9	37.886.634.703	23.887.070.815
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	5,2 - 6,6	5.198.628.469	66.893.963.334
Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (*)	VND	5,6	191.151.467.051	256.814.970.079
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	6,2	20.165.674.632	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	5,7 - 6,0	440.908.690.508	644.861.362.674
Khoản vay Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	VND	5,2	-	19.098.225.784
Khoản vay Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	USD	2,8	32.691.986.687	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	VND	4,5 - 6,5	1.994.400.717	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	USD	3,3 - 4,5	230.581.786.373	152.038.062.957
Khoản vay Ngân hàng BNP Paribas (**)	VND	5,8	122.208.104.761	149.414.020.133
Khoản vay Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Xăng Dầu Petrolimex - PGB	VND	5,8 - 8,5	28.190.763.392	61.980.750.492
			1.573.871.011.576	2.154.826.503.746

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC của các công ty con được bảo đảm bởi công ty mẹ là Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP.
- (***) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng BNP Paribas của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex, một công ty con được bảo đảm bởi công ty mẹ là Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP.
- Các khoản vay còn lại không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay 3 tháng đến 6 tháng.

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm %	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex					
Khoản vay 1	VND	8,5	2025	22.200.000.000	25.900.000.000
Khoản vay 2	VND	8,5	2025	8.319.998.000	9.706.666.000
Khoản vay 3	VND	8,6	2025	1.246.685.556	1.454.466.482
Khoản vay 4	VND	8,5	2025	1.372.585.538	1.601.349.794
Khoản vay 5	VND	8,5	2025	3.457.296.799	4.033.512.933
Khoản vay 6	VND	8,5	2025	1.464.882.289	1.709.030.289
Khoản vay 7	VND	8,5	2025	5.038.320.000	5.878.040.000
Khoản vay 8	VND	8,5	2025	2.016.756.700	2.352.882.700
Khoản vay 9	VND	8,5	2025	8.517.341.839	9.936.898.813
Khoản vay 10	VND	10,1	2025	6.168.960.000	7.197.120.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam					
Ngân hàng Công Thương Việt Nam					
	VND	Lãi suất thả nổi	2023	56.631.027.801	23.567.761.776
	VND	8,9	2022	23.660.000.000	-
				140.093.854.522	93.337.728.787
				(31.335.405.102)	(4.983.570.145)
				108.758.449.420	88.354.158.642

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (a)

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, được đảm bảo bằng toàn bộ cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị của Kho dung môi – Hóa chất Petrolimex Đình Vũ (Thuyết minh 14) và quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng (Thuyết minh 16).

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản trên đất của Kho Nhựa đường Cam Ranh (Thuyết minh 14).

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Công Thương Việt Nam được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình bao gồm 3 dây chuyền sản xuất nhựa tương Cam Ranh và MC, 2 lò gia nhiệt và 12 xe tưới nhựa tương (Thuyết minh 11).

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	3.650.114.962	8.518.987.299
Trích lập trong năm	15.964.493.772	10.318.554.562
Sử dụng trong năm	(13.143.777.918)	(15.187.426.899)
Số dư cuối năm	6.470.830.816	3.650.114.962

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 1/1/2018	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(31.616.582)	338.290.620.318	20.463.604.691	173.972.281.235	1.344.697.799.662
- đã điều chỉnh lại									
Số dư ngày 1/1/2018	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(31.616.582)	338.290.620.318	20.463.604.691	172.969.155.619	1.343.694.674.046
- đã báo cáo trước đây									
Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 40)	-	-	-	-	-	-	-	1.003.125.616	1.003.125.616
Lợi nhuận thuần trong năm - đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	-	-	148.609.195.871	148.609.195.871
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	152.990.212.825	152.990.212.825
- đã báo cáo trước đây								(4.381.016.954)	(4.381.016.954)
Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 40)	-	-	-	-	-	-	-	(10.318.554.562)	(10.318.554.562)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(161.595.132.000)	(161.595.132.000)
Chia cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(43.762.401)	-	-	-	(43.762.401)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	12.003	12.003
Số dư ngày 1/1/2019	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(75.378.983)	338.290.620.318	20.463.604.691	150.667.802.547	1.321.349.558.573
- đã điều chỉnh lại									
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	145.164.161.952	145.164.161.952
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(15.964.493.772)	(15.964.493.772)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	6.910.496.093	-	(6.910.496.093)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	-	-	(129.276.105.600)	(129.276.105.600)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	562.138.586	-	-	-	562.138.586
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	610.068.449	(620.041.894)	(9.973.445)
Số dư ngày 31/12/2019	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	486.759.603	345.201.116.411	21.073.673.140	143.060.827.140	1.321.825.286.294

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019****(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000	1.273	12.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

	31/12/2019		1/1/2019	
	VND	%	VND	%
Cổ đông				
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100%	807.988.390.000	100%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã quyết định chia cổ tức 129.276 triệu VND (tương đương 1.600 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (2018: 161.595 triệu VND, tương đương 2.000 VND trên một cổ phiếu).

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	54.760.112.188	117.863.399.271

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	1.000.932	23.092.482.039	1.326.702	30.724.194.679
Euro ("EUR")	519	13.990.376	234	6.655.678
Lao Kips ("LAK")	5.947.685.263	15.463.981.684	2.483.619.082	6.770.211.944
Cambodia Riel ("KHR")	2.650	15.079	-	-
		<u>38.570.469.178</u>		<u>37.501.062.301</u>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	133.198.000.000	164.916.000.000

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019****(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế bảo vệ môi trường. Doanh thu thuần của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

	2019 VND	2018 VND Đã điều chỉnh lại
Bán dầu mỡ nhờn	1.433.908.599.433	1.404.802.935.430
Bán nhựa đường	2.247.835.136.649	2.148.816.521.706
Bán hóa chất, dung môi	2.439.049.936.786	2.841.633.770.319
Bán hàng hóa khác	39.252.111.883	41.467.834.399
	<hr/> 6.160.045.784.751	<hr/> 6.436.721.061.854
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	-	(2.346.752.147)
	<hr/> 6.160.045.784.751	<hr/> 6.434.374.309.707

29. Giá vốn hàng bán

	2019 VND	2018 VND Đã điều chỉnh lại
Giá vốn dầu mỡ nhờn	997.926.102.080	948.314.083.071
Giá vốn nhựa đường	2.020.024.556.484	1.895.708.293.227
Giá vốn hóa chất, dung môi	2.267.372.368.290	2.676.155.048.152
Giá vốn hàng hóa khác	34.162.326.899	39.494.840.678
	<hr/> 5.319.485.353.753	<hr/> 5.559.672.265.128

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019 VND	2018 VND
Lãi tiền gửi	25.285.185.491	18.325.120.187
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.930.047.845	8.636.703.608
Lãi hàng bán trả chậm	7.893.643.101	4.590.037.500
	<hr/> 44.108.876.437	<hr/> 31.551.861.295

31. Chi phí tài chính

	2019 VND	2018 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí lãi vay	127.080.101.022	86.442.840.497
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.468.951.020	23.804.140.532
Chi phí tài chính khác	2.690.783.971	1.537.595.621
	137.239.836.013	111.784.576.650

32. Chi phí bán hàng

	2019 VND	2018 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên	73.421.598.503	78.114.560.559
Chi phí vận chuyển	94.443.255.429	108.904.858.489
Chi phí hỗ trợ bán hàng	69.291.314.082	58.479.290.905
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	71.954.970.249	85.209.527.212
Chi phí sửa chữa	6.852.472.930	9.816.057.397
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.059.846.893	23.084.043.428
Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì	24.187.298.032	27.500.072.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.738.361.259	56.422.519.218
Chi phí bán hàng khác	51.717.807.154	44.181.288.215
	468.666.924.531	491.712.217.641

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019 VND	2018 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên	54.650.173.660	60.253.265.203
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.244.419.765	3.508.911.917
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.647.287.552	12.358.414.409
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	34.751.271.070	19.728.372.115
	105.293.152.047	95.848.963.644

34. Thu nhập khác

	2019 VND	2018 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định, bất động sản đầu tư	21.323.877.313	1.523.764.818
Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác	2.306.112.341	5.425.084.183
Các khoản khác	3.950.747.866	2.601.200.162
	27.580.737.520	9.550.049.163

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2019 VND	2018 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nguyên vật liệu	920.725.189.527	974.366.490.163
Chi phí nhân viên	167.976.660.651	166.806.734.064
Chi phí khấu hao và phân bổ	78.012.470.516	64.238.160.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	172.134.086.491	196.688.299.597
Chi phí khác	261.693.087.070	221.558.164.569

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2019 VND	2018 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	38.784.385.160	46.343.777.979
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	1.412.607.873	-
	40.196.993.033	46.343.777.979

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019 VND	2018 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	185.361.154.985	194.952.973.850
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	37.072.230.997	38.990.594.770
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	609.808.163	151.072.038
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.425.707.180	5.388.841.380
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	1.813.269.791
Lỗi tính thuế được sử dụng	(323.361.180)	-
Các khoản khác	1.412.607.873	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	40.196.993.033	46.343.777.979

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào, công ty con cấp 2, có mức thuế suất 24%.

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho năm 2019 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân.

	2019	2018 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	145.164.161.952	148.609.195.871
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(15.964.493.772)	(10.318.554.562)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	129.199.668.180	138.290.641.309
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân (cổ phiếu)	80.797.566	80.797.566
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.599	1.712

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên cơ sở số đã trích cho năm 2018.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2019 VND	2018 VND
Các công ty liên quan		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – Công ty mẹ</i>		
▪ Cổ tức	102.222.814.400	127.773.270.872
<i>Petrolimex Singapore Pte Ltd.</i>		
▪ Mua hàng hóa	1.460.382.248.552	1.220.075.742.700
<i>Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex</i>		
▪ Bán hàng hóa	1.248.993.383.132	1.139.822.449.805
▪ Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	85.256.056.040	120.558.003.239
▪ Mua sắm tài sản cố định	16.383.784.900	36.470.188.750
<i>Công ty TNHH Castrol BP PETCO</i>		
▪ Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	18.337.541.400	16.719.025.086
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex</i>		
▪ Các khoản vay	299.343.444.717	131.750.717.503
▪ Trả nợ vay	343.100.572.107	4.983.570.145
▪ Lãi vay	16.733.498.694	7.663.526.823
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP</i>		
▪ Bán hàng hóa	458.910.160	-
▪ Mua dịch vụ	17.437.702.431	16.197.371.699
Tổng Giám đốc		
▪ Tiền lương và thưởng	1.294.524.745	1.042.970.535
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên khác thuộc Ban Tổng Giám đốc		
▪ Tiền lương, thù lao và thưởng	5.732.529.520	5.971.131.357

39. Các khoản tiềm ẩn

Theo Nghị định số 20/2017/NĐ-CP (“Nghị định 20”) ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, tổng chi phí lãi vay phát sinh trong năm được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay và chi phí khấu hao trong năm. Trong năm, Tổng công ty và các công ty con có phát sinh giao dịch thương mại với bên liên kết nhưng không có khoản vay với bên liên kết không phải là ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, hiện có những diễn giải khác nhau về việc quy định của Nghị định 20 có áp dụng hay không trong trường hợp doanh nghiệp có giao dịch thương mại với bên liên kết nhưng không có khoản vay với bên liên kết mà chỉ phát sinh chi phí tiền lãi trên khoản vay từ các bên không phải là bên liên kết. Theo diễn giải của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con, quy định này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty và các công ty con không phát sinh chi phí lãi vay với bên liên kết không phải ngân hàng thương mại. Tuy nhiên việc có hay không áp dụng quy định này trong trường hợp Tổng công ty và các công ty con không phát sinh chi phí lãi vay với bên liên kết phụ thuộc vào quan điểm của cơ quan thuế mà hiện tại Tổng công ty và các công ty con chưa nhận được hướng dẫn cụ thể. Tại ngày của báo tài chính này việc diễn giải phạm vi áp dụng của quy định nêu trên được xem là tiềm ẩn yếu tố không chắc chắn. Do vậy Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty không điều chỉnh ảnh hưởng của chi phí lãi vay có khả năng không được trừ, ước tính cho năm 2019 là 16.224 triệu VND khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (2018: 9.650 triệu VND). Nếu khoản chi phí lãi vay này được kết luận chính thức là không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp thì thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc cùng ngày sẽ cùng tăng lên một khoản là 16.224 triệu VND (2018: 9.650 triệu VND).

40. Số liệu so sánh

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước tháng 5 năm 2019. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Theo báo cáo trước đây VND	1/1/2019 Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND	Đã điều chỉnh lại VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.961.352.729.856	435.648.290	1.961.788.378.146
Hàng tồn kho	1.139.019.474.211	80.670.541	1.139.100.144.752
Chi phí trả trước ngắn hạn	4.832.033.341	716.146.093	5.548.179.434
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	77.543.823.932	(101.967.001)	77.441.856.931
Tài sản cố định hữu hình	673.432.550.856	9.161.442.871	682.593.993.727
<i>Nguyên giá</i>	<i>1.274.890.507.172</i>	<i>9.026.356.435</i>	<i>1.283.916.863.607</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(601.457.956.316)</i>	<i>135.086.436</i>	<i>(601.322.869.880)</i>
Xây dựng cơ bản dở dang	162.641.748.723	(1.019.670.011)	161.622.078.712
Chi phí trả trước dài hạn	166.941.510.806	(5.270.984.131)	161.670.526.675
Phải trả người bán ngắn hạn	1.140.134.079.457	(1.121.637.012)	1.139.012.442.445
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	32.685.436.264	7.691.609.646	40.377.045.910
Chi phí phải trả ngắn hạn	18.306.722.614	809.205.356	19.115.927.970
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	154.045.693.885	(3.377.891.338)	150.667.802.547
<i>LNST chưa phân phối lũy kế</i>			
<i>đến cuối năm trước</i>	<i>1.055.481.060</i>	<i>1.003.125.616</i>	<i>2.058.606.676</i>
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>152.990.212.825</i>	<i>(4.381.016.954)</i>	<i>148.609.195.871</i>

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Theo báo cáo trước đây VND	2018 Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND	Đã điều chỉnh lại VND
Doanh thu bán hàng	6.436.325.017.954	396.043.900	6.436.721.061.854
Giá vốn hàng bán	5.562.567.838.945	(2.895.573.817)	5.559.672.265.128
Chi phí tài chính	111.220.124.566	564.452.084	111.784.576.650
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>85.633.635.141</i>	<i>809.205.356</i>	<i>86.442.840.497</i>
Chi phí bán hàng	489.928.882.606	1.783.335.035	491.712.217.641
Chi phí quản lý doanh nghiệp	95.821.736.320	27.227.324	95.848.963.644
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	41.046.157.751	5.297.620.228	46.343.777.979

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Theo báo cáo trước đây VND	2018 Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND	Đã điều chỉnh lại VND
Lợi nhuận trước thuế	194.036.370.576	916.603.274	194.952.973.850
Khấu hao và phân bổ	64.373.247.239	(135.086.436)	64.238.160.803
Chi phí lãi vay	85.633.635.141	809.205.356	86.442.840.497
Biến động các khoản phải thu	(349.347.623.583)	(333.681.289)	(349.681.304.872)
Biến động hàng tồn kho	(362.289.944.546)	(80.670.541)	(362.370.615.087)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	385.687.061.919	(460.224.271)	385.226.837.648
Biến động chi phí trả trước	(3.746.869.573)	(716.146.093)	(4.463.015.666)

Ngoài những điều chỉnh nêu trên, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 3 tháng 4 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc